

CỔ VĂN VIỆT NAM
VÔ DANH THỊ

truyện
PHAN TRẦN

Thi-Nham DINH GIA THUYẾT
ĐÍNH - CHÍNH và CHÚ - THÍCH

IN LẦN THỨ HAI
sửa-chữa cần-thận



SÁCH GIÁO - KHOA
TÂN VIỆT

CỔ VĂN VIỆT NAM

VỎ DANH THỊ

truyện

PHAN TRẦN

Thi-Nham ĐÌNH GIA THUYẾT
ĐÌNH - CHÍNH và CHÚ - THÍCH

IN LẦN THỨ HAI
sửa-chữa cẩn-thận



SÁCH GIÁO-KHOA

TÂN VIỆT

1956

CÙNG BẠN ĐỌC

Định-chính và chú thích truyện Phan Trần, chúng tôi không có ý gì hơn là để giúp chút tài-liệu về Việt-văn, một món đồ dùng cần-dùng cho các lớp trung-học.

Công-việc định-chính và chú-thích truyện này, chúng tôi nhận thấy còn thiếu-sót. Nhất là phần định-chính. Tuy trong cơn binh-hoả, có cố tìm được bản truyện nôm — của trái mùa — mà sau khi đem đối-chiếu với truyện quốc-ngữ của mấy nhà xuất-bản gần đây, chỉ có thể định-chính được một phần nào.., vì cả hai bản nôm và quốc-ngữ đều đã « tam sao xuất bản » chẳng hơn kém gì nhau mấy. Trừ ra những chỗ thợ sắp lỗi như câu thứ 10 — cung đầu lăm ra cung đầu — những chữ dịch sai như câu thứ 17 — ngay tin 宜 信 dịch là nghe tin 宜 信 không kè, còn có nhiều câu hời ngẫm ; gặp những trường-hợp ấy, hơn hết là cứ để theo nguyên-văn — gọi là nguyên âm thì đúng hơn — mà phụ thêm dấu hỏi giữa hai ngoặc đơn (?)

Còn về phần chú-thích : tích nào chưa khảo-cứu được dịch-xác, đại-khái như câu 93-94 chẳng hạn, cũng xin thận-trọng hạ dấu hỏi để khuyết-nghi.

Chúng tôi cũng tự biết như thế là thiếu nhiệm-vụ biên-tập. Nhưng giữa lúc Việt-văn vừa qua thời-kỳ ấu trĩ, nền thống-nhất mới xây-dựng, quốc-văn đương cần phải thu-lượm, phải đòi-hỏi nhiều tài-liệu ở văn-giới.., thì đặc thốn, thủ thốn, đặc xích, thủ xích, dù thiếu-sót cũng không phải là vô bổ, mà còn có dịp để lĩnh-giáo... Chúng tôi xin thành-thực và trân-trọng mong ở độc-giả chur tồn.

Hà-nội ngày 10 tháng 9 năm 1951

THI NHAM

TOÁT-YẾU

Phan Trần là một truyện lấy sự-tích ở bên Tàu, về đời Tĩnh-khang và Thiệu-hưng nhà Tống (1126-1147). Hai vai chính là Phan Tất-Chánh và Trần Kiều-Liên được cha mẹ đính-ước gả cho nhau từ lúc còn ở bào thai. Khi khôn-lớn, chưa kịp thành-hôn, thì gặp loạn-ly lưu-lạc, tưởng đến phải dở-dang ; may có cuộc tình-cờ gặp-gỡ mà đôi bên nhận được nhau. Rồi vu-qui với vinh-qui một ngày, sau kết-quả rất là mỹ-mãn. Truyện do một tác-giả vô-danh Việt-nam diễn ra quốc-âm, gồm có 940 câu, theo thể văn lục-bát. Đại-lược chia ra làm 6 hồi tóm tắt như sau.

10) HỌ PHAN VÀ HỌ TRẦN ĐÍNH-HÔN

Phan công, Trần-công cùng bằng tuổi nhau, cùng học một thầy, cùng đỗ một khoa. Cùng làm quan một triều, thấu xảo hơn nữa là bai phu-nhân lại cùng hoài thai trong một thời-gian. Bèn đính-ước với nhau : hễ một bên sinh trai, một bên sinh gái, thì gả con cho nhau. Họ Trần đưa trăm ngọc, họ Phan đưa quạt ngà làm vật đính-hôn. Quả nhiên

họ Phan sinh trai đặt tên là Phan Tất-Chánh (tức Phan-sinh), họ Trần sinh gái, đặt tên là Trần Kiều-Liên. Khi hai con đã lớn dần, thì hai ông cùng xin về hưu, chăm lo việc gia-đình dạy-đỗ.

2o) PHAN-SINH THI HỒNG, ĐI DU-HỌC CHỜ KHOA SAU

Phan-sinh vâng lời phụ-huấn đi thi Hương đỗ Thủ-khoa (Giải-nguyên), báo tin về rồi lên Kinh thi Hội luôn, nhưng bị trượt tứ-trường, chàng bỗ-thẹn không chịu về, lập chí đi du-học để chờ khoa sau quyết thi lấy đỗ.

3o) KIỀU-LIÊN CHẠY LOẠN, MẸ CON LẠC NHAU

Trong khi ấy thì Trần-công mất, Đàm-châu có giặc, Kiều-Liên cùng Trần phu-nhân di chạy loạn, mẹ con lạc nhau mỗi người mỗi ngã. Nàng gặp người họ Trương đưa đến tu tại một cửa chùa ở Kim-lăng lấy pháp-danh là Diệu-Thường. Khi ở chùa, nàng nhớ mẹ và tưởng đến vị hôn-phu, thương ủ-rũ buồn-rầu, nhờ có sư-thầy khuyên-giải nên cũng nguôi dần.

4o) PHAN-SINH ỚM TƯƠNG-TU

Phan-sinh du-học tại Thành-đô, sức nhớ có cô tu ở Kim-lăng bèn đến thăm ; cô lưu ở lại chùa đọc sách, Phan-sinh thấy Diệu-Thường «tâm-thước triê-trung » thì phải lòng, mượn bà vải là Hương-Công làm mối ; Diệu-Thường cự tuyệt, chàng thất vọng, thành ra ốm tương-tu.

50) PHAN-SINH VÀ DIỆU-THƯỜNG NHẬN NHAU

Phan-sinh đương ốm nặng, được Diêu-Thường nể sư-cô tới hỏi thăm, thì mười phần bổng khỏi đến chín. Tối hôm đó, chàng ốm bệnh đến gõ cửa phòng Kiều-Liên đòi vào tạ ơn, nài sợ chàng quá liều, phải mở cửa cho vào hỏi truyện. Qua mấy lời trao đổi và đem trà, quạt, ra so-sánh, thành ra hai bên nhận được nhau. Nhưng vẫn giữ kín, ở chùa không ai biết.

60) PHAN-SINH VÀ KIỀU-LIÊN KẾT HÔN

Khoa thi ấy, Phan-sinh đỗ Thám-hoa. Đem thực tình bạch với sư-cô. Sư-cô bèn làm hôn-lễ tại nhà họ Trương rồi cùng nhau vinh qui bái tổ. Trần phu-nhân sau khi chạy loạn. « trời xui khiến » lại đến nương-náu tại nhà họ Phan. Bấy giờ gặp nhau đủ mặt hai nhà, nổi mừng-tủi bút không thể tả. Rồi Phan-sinh được triệu về Kinh cung chức, lại được cử đi dẹp giặc, chiến-công rực-rỡ, vinh-hoa phú-quí ai bì !

. . .

6 HÒI TRÊN ĐÂY CÓ THỂ CHIA RA LÀM 23 ĐOẠN

1. Mỗi liên-lạc của họ Phan và họ Trần.
2. Họ Phan và họ Trần đính-uớc gả con cho nhau từ lúc còn hoài thai.
3. Họ Phan sinh trai, họ Trần sinh gái.
4. Phan-công và Trần-công cùng về hưu-trí.
5. Phan-công dẫn con trước khi đi thi.
6. Phan-sinh thi đỗ Giải-nguyên.

7. Phan-sinh thi Hội hồng, lập chí đi du-học để chờ khoa sau.
8. Trần Kiều-Liên chạy loạn, mẹ con lạc nhau.
9. Kiều-Liên gặp họ Trương đưa đến ở chùa, lấy pháp-danh là Diệu-Thường.
10. Nỗi buồn của Diệu-Thường trong khi ở chùa.
11. Sư-già khuyên-giải Diệu-Thường.
12. Diệu-Thường yên tâm nung-nấu cảnh chùa,
13. Phan-sinh đến Kim-lăng thăm cô.
14. Phan-sinh được cô lưu ở chùa đọc sách.
15. Phan-sinh gặp Diệu-Thường lần đầu.
14. Phan-sinh phải lòng Diệu-Thường, nhờ vãi Hương-Công làm mối.
15. Diệu-Thường mấy lần cự tuyệt lời vãi Hương-Công.
16. Thất vọng về tình, Phan-sinh ốm tương-tự.
17. Nhờ sư-già Diệu-Thường đến thăm bệnh Phan-sinh.
18. Phan-sinh ốm bệnh, cất lên đến tạ ơn Diệu-Thường.
19. Sau khi tỏ tình, đôi bên đưa trâm, quạt, đối-chiếu nhận nhau.
20. Phan-sinh đi thi đỗ Thám-hoa.
21. Vinh-qui cùng với vu-qui một ngày.
22. Phan, Trần hai họ đoàn-viên một nhà.
23. Đoạn kết.

TRUYỆN PHAN TRẦN

MỐI LIÊN - LẠC CỦA HỌ PHAN VÀ HỌ TRẦN

- 1.— Trên Am (1) thông-thả sách, cầm (2),
Nhàn nường án ngọc, buồn ngâm quyền vàng.
Thấy trong triều Tống Tĩnh-khang (3),
Một chàng Hoà-quận, một chàng Đàm-chu (4).
Bảng vàng, bia đá (5) nghìn thu,

(1) Am 庵 : nhà nhỏ lợp tranh. Đây nói về nơi đọc sách nói nhún).

(2) Có bản chép sắt cầm, nhưng có lẽ là sách cầm, bởi chữ cầm thư 琴書 : đàn và sách, thú vui của các văn-nhân. Còn sắt cầm 瑟琴 trong câu « thế tử hảo hợp như cô sắt cầm » thì lại khác.

(3) Tĩnh-khang 靖康 niên hiệu vua Tống Khâm-tôn bèn Tàu, vào khoảng từ năm 1126 trở xuống.

(4) Hoà-quận 和郡, Đàm-chu 潭洲 : hai huyện bên Tàu, quê họ Phan và họ Trần.

(5) Bảng vàng bia đá, bởi chữ hoàng bảng thạch bi 黃榜石碑 nói về người thi đỗ được yết họ tên trên bảng vàng và khắc vào bia đá.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Phan, Trần hai họ (1), cửa nho (2) đôi truyền,
Kể từ đèn sách thiếu-niên (3),
Một song tình nặng, một thuyền nghĩa sâu (4),
Tới tuần hội cả đua nhau,
10.— Bút-nghiên phỉ chí, cung dâu (5) bằng nguyên
Xem hoa rõ nẻo hồi triền (6),
Gió đưa hương dạ, sấm rền tiếng xa.

(1) *Phan, Trần* 潘陳 hai họ tức là hai vai chính trong truyện này.

(2) *Cửa nho*, bởi chữ nho-môn 儒門 : cửa nhà nho, nhà học-trò.

(3) *Thiếu-niên* 少年 : tuổi trẻ.

(4) *Một song* (đồng song) *một thuyền* (đồng thuyền), câu này nói tình-nghĩa bạn-hữu với nhau rất nặng-nề và sâu-xa.

(5) *Cung dâu* do chữ tang hồ 桑弧 : cái cung bằng gỗ dâu. Trong kinh Lễ : Nhà vua sinh thế-tử thì treo cái cung bằng gỗ dâu, cái tên bằng cỏ bông ra cửa, để tượng-trung con trai chi ở bốn phương, như cung tên bắn ra bốn phương trời đất vậy. Sau người ta quen dùng chữ tang hồ thay 桑弧 蓬矢 để chỉ chung cả bọn con trai. Cũng có khi nói tắt là tang hồ 桑蓬 hay bông tang cũng thế.

(6) *Xem hoa* bởi chữ thám hoa 探花, hồi triền 回鞭 nghĩa là quay roi ngựa. Câu này ý nói thi đỗ thám-hoa rồi quay ngựa về vinh-quì. Chữ « triền » là roi cũng có âm là « tiên », nên có bản chép là « hồi tiên »,

Ơn trên mưa tưới, móc sa (1),
Cùng làm Phủ-doãn (2) một tòa hiền-vinh.
Niềm công-chính, dạ trung-trình,
Nhân-dân sao phúc (3), triều-đình cột cao.
Ngay tin trời có phụ nào (4),
Tốt cung quan-lộc, vượng hào thê-nhi (5).
Ứng điềm xà hủ, hùng bi (6),
20.— Hai nhà chính-thất (7) một kỳ thụ thai.

(1) Câu này bởi chữ : vũ lộ mong ân 雨露蒙恩.

(2) *Phủ-doãn* 府尹 là một chức quan cai-trị thành-phố nơi kinh-đô, ví như chức phủ-doãn Thừa-thiên dưới triều nhà Nguyễn.

(3) *Sao phúc*, bởi chữ phúc tinh 福星, *cột cao*, bởi chữ chỉ trụ 砥柱, ý nói người có danh-vọng cho dân nước nương nhờ.

(4) *Ngay tin*, bởi chữ trung tin 忠信, ý nói người trung tin (ngay tin) thì trời không phụ; cũng như câu « hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân » : trời cao không phụ người tốt bụng. — Có bản chép là nghe tin có lẽ sai.

(5) *Cung quan-lộc*, 'cung thê (vợ) cung nhi (con) là 3 cung trong 12 cung trong số Tử-vi,

(6) *Kinh Thi* : Duy hủ duy xà nữ-tử chi tường, duy hùng duy bi, nam tử chi tường 雌雄雌蛇女子之祥, 雄熊雄鼠男子之祥 : Nằm mơ thấy loài rắn là điềm sinh con gái, thấy loài gấu là điềm sinh con trai.

(7) *Chính-thất* 正室 : vợ cả.

Cùng nhau mở tiệc vầy-vui,
Huệ lan mừng mặt, trúc mai khoe mình.
Tưng-bừng nhịp sáo, nhịp sênh,
Điệu thông (1) cao thấp, chén quỳnh (2) đầy voi.

HỌ PHAN VÀ HỌ
TRẦN ĐÍNH - ƯỚC
GẢ CON CHO NHAU

Trở thề trên thắm dưới khơi,
Cùng nhau chỉ dạ định lời thông-gia (3).
Hai ta đồng học đồng khoa,
Đồng niên đồng cán một nhà đồng thân.
Đôi trao chỉ Tấn tơ Tần (4).
30.— Họ Phan thì quạt, họ Trần thì trâm.
Mai này dành để giao-cầm,
Kẻo quên ước cũ kẻo lằm duyên xưa.
Bỗng may thay, sự tình-cờ,
Khéo linh linh mệnh, khéo như như lòng.

(1) *Điệu thông* do chữ tùng điệu 松調: tiếng thông reo nghe ra có vần có điệu. Đây là chỉ về âm-nhạc. Có bản chép là rượu thông, nhưng rượu sao lại cao thấp?

(2) *Chén quỳnh* do chữ quỳnh bôi 瓊杯: chén ngọc.

(3) Câu này dịch theo chữ: chỉ phúc đính hôn 指腹訂婚.

(4) *Tấn* 晉 *Tần* 秦 là hai nước ở về đời Xuân-thu chiến-quốc bên Tàu; hai nước này đời đời kết hôn-nhân, nên người ta quen dùng tiếng Tấn Tần để chỉ chỗ thông-gia, hay là nói đảo lại Tần Tấn cũng thế.

HỌ PHAN SINH TRAI

HỌ TRẦN SIHH GÁI

Thăm ngày khuất tháng vừa đông,
Phan phu-nhân mới khai giòng nước hoa.
Vườn xuân phơi-phới mưa sa,
Quê non Yên (1) đã trở ra một cảnh.
Sinh ra nam-tử tốt lành,
40.— Hai vai chỉnh-chệch, ba đình (2) nở-nang.
Đành thay phỉ chí tang bằng (3),
Đặt cho Tất-Chánh (4) rõ-ràng là tên.
Đông qua xuân thoát báo tin,
Trần phu-nhân mới hé then động đào.

(1) *Đâu Vũ Xung* đời Tống, biệt hiệu là Yên-sơn 燕山 — núi Yên — sinh 5 con trai vì biết dạy con theo nghĩa phương, sau đều hiển-đạt, người ta ví 5 người con của Yên-sơn quí như 5 chồi quế. Đây mượn chữ « quê non Yên » để ví người con trai họ Phan mới sinh.

(2) *Ba đình* do chữ tam đình 三停. Theo phép xem tướng của nhà Tướng-thuật đem thân người và bộ mặt chia làm 3 gọi là tam đình. Nói về toàn-thể thì phần đầu là thượng-đỉnh, phần lưng là trung-đỉnh, phần chân là hạ-đỉnh. Nói về bộ mặt thì từ đỉnh đầu đến trán là thượng-đỉnh, từ sống mũi dưới trán đến đầu mũi là trung-đỉnh, từ nhân-trung dưới mũi đến cằm là hạ-đỉnh.

(3) Xem chú-thích trang 12 số 5.

(4) *Tất-Chánh* 必正 nghĩa đen là tất ngay-thắng.

Một nàng tiên-nữ xinh sao !

Mây nghênh bán nguyệt (1) miệng chào trăm
hoa (2).

Mĩa chiều cung quế Hằng Nga (3),

Trần-công mới đặt tên là Kiều-Liên (4).

Lửa hương đành để bên duyên,

50.— Lòng trời chiều cả hai bên ước cầu.

Tin đi mối lại cùng nhau,

Kẻ nâng-niu ngọc, người trau-chuốt ngà (5).

PHAN - CÔNG VÀ TRẦN -

CÔNG CÙNG VỀ HƯU TRÍ

Lần lần hề lại thu qua,

Hai ông thăm-thoắt tuổi đà cao niên.

Tạ triều một thử thi tiên (6),

(1) *Bán nguyệt* 半月 : nửa mặt trăng, nói lông mày cong cong như hình nửa vành trăng.

(2) *Trăm hoa*, do chữ bách hoa 花百 nói miệng cười tươi như trăm hoa đua nở.

(3) *Mĩa chiều*. Mĩa : mĩa-mai : gần bằng. Cung quế Hằng Nga là 姮娥 Hằng Nga trong cung trăng (cung quế 宮桂) nói người đẹp.

(4) *Kiều-Liên* 嬌蓮 nghĩa đen là sen tươi đẹp.

(5) Câu này nói hai nhà đều quý-báu vật đính-hôn tức là trăm ngọc, quạt ngà.

(6) *Thi tiên* 詩箋 : giấy viết thư. Hai ông về hưu trí, viết thư để lại tạ ơn Triều-đình, tức là thư lưu giữ 留柬 (để lại kính chào) mà ta quen dùng khi các viên chức về hưu hay thuyên-đổi đi nơi khác.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Đem nhau xe hạc (1) về miền hương-quan (2).

Chia tay nam bắc băng ngàn,

Tôi quê nhà đã hầu tàn ba tháng (3).

Đường đi khuất nẻo khơi chừng,

60.— Tuyết sương mấy dậm, suối rừng bao nhiêu.

Dễ mà tin-tức dập-dìu,

Thì đem lòng thăm phủ liễu trời xanh.

Hãy nuôi con đến trưởng-thành,

Sẵn còn trăm nghĩa, quạt tình chẳng quên (4).

Tơ hồng (5) là thăm (6) là duyên,

(1) Xe hạc bởi chữ hạc-giá 鶴駕, hạc là loài chim rất sống lâu, người ta thường dùng chữ hạc để nói về bậc già-cả như hạc linh 鶴齡 (tuổi hạc), hạc phát 髮鶴 (lóc hạc) v. v. . .

(2) Hương-quan 鄉閭 : cửa làng, nói về nơi quê nhà.

(3) Câu này ý nói về đến nhà thì đã gần hết ba tháng.

(4) Từ câu « đường đi khuất nẻo... » trở xuống đến hết câu này, ý nói tuy đường xa cách, chưa dễ thông tin-tức luôn, đành cứ phẩy liễu, nhưng cứ việc nuôi con đến khôn lớn ; đã sẵn có trăm, quạt làm con tin, thì tình-nghĩa quên làm sao được.

(5) Tơ hồng do chữ hồng tơ 紅絲, lấy tích Trương-gia Chính, Tề-tướng nhà Đường, có 5 con gái. muốn gả cho Quách nguyên Chấn một người, nhưng không biết gả ai. Bèn bảo 5 con gái đứng nép trong bình-phong, mỗi người cầm một sợi tơ xuyên qua khe cửa. Quách đứng ngoài rút được sợi tơ của ai thì gả người ấy. Kết-quả Quách rút được sợi tơ đỏ trong tay người con gái thứ ba, có nhan-sắc hơn cả.

(6) Lá thăm do chữ hồng điệp 紅葉, lấy tích Vu Hựu đời nhà Đường, nhặt được chiếc lá ở trong ngò nhà vua có đề bài thơ. Vu Hựu cũng đề thơ vào một chiếc lá thả xuống ngò trôi vào cung. Cung-nữ họ Hàn nhặt được. Sau nhà vua thả các ong-nữ, tình cờ Vu Hựu lại lấy họ Hàn, cùng đem chiếc lá có thơ đề vần giữ, cho nhau xem, mới biết đoạn nhân duyên do chiếc lá kia làm mối. Họ Hàn có câu thơ rằng : « Phương tri hồng điệp thị lương môi » 芳知紅葉是良媒 (mới biết lá thăm là người mối tốt).

TRUYỆN PHAN TRẦN

Dầu bao giờ gặp cũng nên bấy giờ.
Phan thì về chốn lầu thơ (1),
Khuyên con rờng rã sớm khuya sách đèn (2),
Ôn đặt gối (3), Đồng vầy màn (4),
70.— Sớm nhuần kinh-sử, tối bàn văn-chương.
Trần thì về chốn phòng hương,
Dạy con canh-củi việc thường nữ-công.
Hoa dưới trướng, gấm trên khung,
Gồm hay thi-lễ, lầu-thông cầm-kỳ.
Những mong khuya sớm kịp thì,
Hai nhà con đã đến kỳ xuân-xanh.

PHAN-CÔNG DẶN CON TRƯỚC KHI ĐI THI

Phan-công mới dạy Phan-sinh,
Rằng : « Nhà ta nghiệp học-hành xưa nay.
« Bấy giờ cha tuổi-tác này,
80.— « Mong con gặp hội rờng mây (5) kịp người.

(1) *Lầu thơ*, bởi chữ thư lầu 書樓.

(2) Có bản chép luận bản, có bản chép học-hành, nhưng học-hành thì không có văn, nên tạm để sách đèn.

(3) *Tu-Mã Ôn-Công* 司馬溫公 đời Tống rất chăm học, có khi đọc sách thâu đêm, trần-trọc trên gối mãi không ngủ.

(4) *Đồng trọng Thư* 董仲舒 đời Hán chăm học, buông màn đọc sách, luôn ba năm không ngó đến vườn.

(5) *Hội rờng mây*, bởi chữ long vân khánh hội 雲龍慶會 (long : rờng, vân : mây, khánh : mừng, hội : gặp) nghĩa là rờng mây gặp-gỡ, nói bóng, vua sáng tôi hiền gặp nhau.

TRUYỆN PHAN TRẦN

« Chờ tham tử sắc chơi-bời,
« Lụy mình vả lại thế cười, người chê.
« Rày nghe thi tuyển đến kỳ,
« Bút-nghiên đóng-dã vào thi họa là.
« Gặp kỳ thu nguyệt (1), xuân hoa (2),
Làm sao cho trọn quyết khoa (3) thì làm.
« Bỏ công luyện-tập mới cam,
« Đừng nghe anh-én, chờ nhảm nước-mây.
« Nhân-duyên đã chiếc trâm này,
90.— « Cửa Trần-công đề cho mầy đính-hôn.
« Tuy rằng cách-trở nước non,
« Hãy còn trắng bạc, hãy còn trời xanh, (4).
« Đừng như Ngô-tướng (5), Từ-khanh (6),
« Quên bài thuốc dạy, phụ manh áo nguyên.
« Hãy cho công-nghiệp vẹn tuyển,
« Hoá rồng rồi sẽ rước tiên cũng vừa (7) ».

(1) *Thu nguyệt* 秋月 : trăng mùa thu, kỳ thi Hương.

(2) *Xuân hoa* 春花 : hoa mùa xuân, kỳ thi Hội.

(3) *Quyết khoa* 決科 ý nói thi khoa ấy quyết lấy đỗ.

(4) *Trắng bạc trời xanh*, bởi chữ thanh thiên bạch nhật 青天白日. Câu này ý nói tuy hai nhà ở xa cách nhau nhưng mối nhân-duyên đã đính-ước rõ-ràng, có trời xanh trắng bạc chứng-minh.

(5), (6) *Ngô-tướng*, (Phải chăng là Ngô Khởi ?) *Từ-khanh*, tích này chúng tôi còn đương khảo-cứu, đợi xin tặc bản. Trong khi chờ đợi, mong thức-giã chỉ-giáo cho, chúng tôi cảm tạ lắm.

(7) Ý nói thi đỗ rồi sẽ cưới vợ.

Nghê lời phụ-huấn sau xưa (1),
Phan-sinh từ tạ bấy giờ bước ra.

PHAN-SINH ĐI THI
ĐỖ GIẢI-NGUYÊN

Theo chân, đồng-tử năm ba(2),
100. — Con long-câu (3), cái tỳ-bà (4) ruổi mau.
Pha non trúc, trái ngàn dâu,
Vàng hiu-hiu đón, ngọc lầu-lầu đưa (5).
Chào én sớm, hỏi nhận trưa,
Ba tuần trắng đã, thì vừa đến nơi.
Phun châu, nhả ngọc đua tài (6),
Giải nguyên (7) thoát đã tên bài bằng ngay.
Đưa tin về đến nhà hay,
Tức thì lại tỏ đường mây tểch chừng.

(1) Phụ-huấn 父訓 : lời cha dạy.

(2) Đồng-tử năm ba, chữ đồng-tử ngũ lục nhân 童子五大人 trong Luận-ngữ, ông Tăng Diêm nói có 5, 6 trẻ đi theo hầu.

(3) Long-câu 龍駒 tức là con ngựa.

(4) Tỳ-bà 琵琶 tức là cái đàn. Hành-trang của các văn-nhân ngày xưa đi ra ngoài thì cỡi ngựa mang theo túi đàn.

(5) Câu này tả gió trắng đưa đón.

(6) Câu này do câu thơ « thi thành châu ngọc tại huy hảo 詩成珠玉在揮間 » nghĩa là làm xong bài thơ thì châu ngọc ở cả nơi ngời bút vung-vẩy, nói bóng là văn thơ hay.

(7) Giải-nguyên 元解 : đỗ đầu thi Hương cũng gọi là Thủ-khoa.

TRUYỆN PHAN TRẦN

- Bảng xuân (1) nay đã dự mừng,
110.— Muốn hồng nghìn tía tung-búng đón ai (2) ?
Qua dặm liễu, khỏi ngàn mai,
Ướm đào, hỏi mạn tới vời Thần-kinh (3).
Phồn-hoa thay, thú hữu tình,
Công-hầu xe ngựa, tướng-khanh lâu-dài.
Mây tuôn, sĩ-tử đòi nơi,
Mới hay thi mạng học tài khéo xinh !

PHAN - SINH THI HỘI HỒNG, LẬP CHÍ ĐI DU- HỌC ĐỀ CHỜ KHOA SAU

- Lạ thay danh-giá như sinh,
Bảng người thi bốn, tên mình có ba (4).
Lòng trời còn dấm tài-hoa (5),
120.— Khôi-nguyên (6) dành đề đến khoa sau này.
Bước ra thẹn mặt châu mày,
Công-danh đôi chữ đề khuấy-khỏa lòng !
Đi không lại trở về không,
Thẹn cùng chúng bạn, sợ cùng mẹ cha.
Chẳng bằng ta lập chí ta,
Ba thu thấm-thoắt có là bao lâu (7).

(1) *Bảng xuân* do chữ xuân bảng 春榜 về khoa thi Hội.

(2) *Muốn hồng nghìn tía* do chữ vạn tử thiên hồng 萬紫千紅.

(3) *Thần-kinh* 神京 : kinh-đô nhà vua.

(4) *Bốn kỳ thi*, trượt mất kỳ thứ 4.

(5) Ý nói người có tài-hoa trời còn để dành (dấm : dìm : nhận).

(6) *Khôi-nguyên* 魁元 : đỗ đầu.

(7) Ý nói ba năm nữa lại có khoa thi.

- Làm chi thắc-mắc thêm sầu,
Chim còn đón gió, rồng hầu đợi mưa.
Biết đâu miệng thế khôn lừa,
130.— Vén mây, nhảy sóng (1) bấy giờ sẽ hay.
Vả nghe Kim-cải độ này,
Trông lên đường cũ bụi bay lối về.
Mấy tài dẹp loạn phù nguy,
Tay mình thì chữa đến khi phát cờ.
Tống-thần (3) những mặt ngẩn-ngơ,
Xôn-xao tơ trúc, thờ-ơ bác đồng (4).
Xanh-xanh chẳng giúp anh-hùng.
Thì chi lũ kiến đàn ong toi-bời.
Cho nên lần-thần quê người,
140.— Tim nhà thanh-vắng tiện nơi tập-tàn.
Một đèn, một sách, một mình.
Bướm ong khuấy nẻo, én-anh khuấy đường.

NỖI BUỒN CỦA PHAN-
SINH TRONG KHI DU-HỌC

Ngâm-ngùi trong cảnh gia-hương (4),
Đã thiên gọi nhớ, lại chương ngâm sầu.

(1) *Vén mây* bởi chữ phi vân 披雲, *nhảy sóng* bởi chữ khóa lãng 跨浪 ý nói thi-cử bay-nhảy.

(2) *Kim-cải* : chỗ này phải chữ tên xứ vùng quê-nhà của họ Trần.

(3) *Tống-thần* 宋臣 : bầy tôi nhà Tống ; trở vào các quan triều đời bấy giờ.

(4) *Tơ trúc* là âm-nhạc, nói về bên văn, *bác đồng* là súng đạn, nói về bên võ.

(5) *Gia-hương* 家鄉 : Quê quán làng-mạc nhà mình.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Hơi gió lọt, bóng trăng thâu,
Đòi khi giở chiếc trâm nhau ra nhìn.
Nước non cách mấy dặm nghìn,
Biết lòng còn nhớ hay quên, hồi lòng ?
Chăn đơn gối chiếc lạnh-lùng,
150.— Tưởng nhân-duyên ấy như vòng tơ vương.

TRẦN KIỀU-LIÊN CHẠY LOẠN HAI MẸ CON LẠC NHAU

Hay đâu tạo-hóa khôn lường,
Trần-công thoát đã tuổi vàng (1) xa chơi.
Xót nàng mẹ góa con cô,
Phụng-thờ hương-khói chưa đầy ba năm.
Bỗng đâu binh-lửa ầm ầm,
Gió bay nhà bạc, cát lăm cửa thừa.
Lánh nản, từng bước ngẩn-ngơ,
Mẹ già đầu bạc con thơ má đào.
Ngày hỏi khách, tối trông sao (2)
160.— Dời chân bước thấp bước cao gặp-gheñh.
Thánh-tha bốn giọt lệ tình,
Biết đâu quen-thuộc gửi mình được an.

(1) *Suối vàng* bởi chữ hoàng tuyền 黄泉, suối ở dưới đất, tức là nơi âm-phủ.

(2) *Vì lạc đường không biết lối*, nên ban ngày phải đón khách qua đường mà hỏi, ban đêm cứ trông sao để nhận phương-hướng mà đi.

Trải qua mấy quăng hàn-san (1),
Chênh-chênh nguyệt đã gác ngàn non mai.
Bỗng nghe trống giục chiêng hồi,
Đêm khuya rừng rậm, rưng-rời biết đâu ?
Pha-phôi dậm cú chòm lau,
Kẻ chân bãi nước, người đầu đỉnh non (2).
Con tìm mẹ, mẹ tìm con,
170.— Cỏ cây man-mác nước non lạ-lùng !
Xót nàng thơ-yếu trẻ-trung,
Trời xanh nở phụ má hồng chẳng bênh.
Một mình trong quăng rừng xanh,
Châu-chan má phấn, tằm oanh khúc vàng (3).

KIỀU-LIÊN GẶP HỌ
TRƯƠNG ĐƯA ĐẾN Ở
CHÙA LẤY PHÁP-DANH
LÀ DIỆU - THƯỜNG

Tình-cờ gặp ả họ Trương,
Ở Kim-lăng (4) đến hỏi nường thấp cao :

(1) Hàn-san 寒山 nghĩa là núi rét, trở nơi rừng núi
quạnh-hiu lạnh-lẽo.

(2) Ý nói hai mẹ con mỗi người lạc mỗi nơi.

(3) Câu này nghĩa là giọt châu chứa-chan nơi gò má,
ruột tằm bối rối trong lòng.

(4) Một địa-phương bên Tàu, thuộc huyện Giang-ninh
tỉnh Giang-tô, ngày trước nhiều triều vua ở đấy.

- « Con người yếu-diệu thanh-tao,
« Dáng sùi-sụt tủi, chiu ngao-ngán sầu !
« Tên gì, quê, họ nơi đâu ?
180. — « Gặp nhau xin ngỏ cho nhau biết cùng ».
 Tưởng rằng cùng bạn má hồng,
 Đoái thương nên mới gan-gùng phân-minh.
 Gạt châu mới kể sự linh,
 Nổi quê cách-trở, nổi mình truân-chiến.
 Chẳng cho biết họ tường tên,
 Tưởng cơn-có ấy, tủi nền-nếp xưa.
 Trương rằng : « Thân gái hạt mưa (1),
 « Biết đem mình ấy bây giờ cậy đâu ?
 « Gần đây có một cảnh mầu,
190. — « Nữ-trinh, chùa ấy ở đầu Kim-lăng.
 « Thênh-thênh cửa bụt đầu bằng,
 « Xuất gia tin-nữ, tiêu-tăng cũng đầy.
 « Chờ nề dưa muối, am mây,
 Hỡi nương-náu, khỏi nạn này là hơn ! »
 Giắt tay nàng đến thiền-môn (2),
 Bạch sư mới kể hàn-ôn (3) gót đầu.
 Khêu đèn hạnh, thấp hương mầu (4),
 Chắp tay lạy Phật, khấu đầu qui sư.

(1) *Tục-ngữ* : con gái như hạt mưa sa, hạt rơi xuống giếng, hạt ra ruộng cây.

(2) *Thiền-môn* 禪門 : cửa nhà chùa, cửa Phật.

(3) *Hàn-ôn* 寒溫 : rét, ấm, nói bóng là trò-chuyện kê-lễ cùng nhau, cũng như hàn-huyên 寒暄.

(4) *Đèn-hương* nhà chùa.

- Sư rằng : « Này đạo Chân-như (1),
200.— « Mênh mông của bụt bi-từ hẹp ai (2).
« Đã rằng thụ-giáo thiên-trai (3).
« Chớ nề dưa muối, chớ nài nem chanh (4).
« Tam-qui (5), ngũ-giới (6) chứng-minh,
« Xem câu nhân-quả (7), niệm kinh Di-đà (8).

(1) *Chân-như* 真如 có hai nghĩa : Theo thuyết nhà Phật thì chân-như là chân-lý nói về thực-tế và thực-tính, suốt đời không biến-cải. Theo thuyết nhà đạo Lão thì chân-như là do một tính mà nói. Chữ Chân-như trong câu này là theo tiếng nhà Phật.

(2) Câu này ý nói cửa Phật là phải độ chúng-sinh, từ-bi bác-ái rộng mênh-mông. Có bản chép là « viên-vòng cửa độ !... » có lẽ sai.

(3) *Thiên-trai* 禪齋 : nhà chùa ăn chay.

(4) *Những món ăn chay của nhà chùa.*

(5) *Tam-qui* 三皈 là tiếng nhà Phật : qui-y Phật, qui-y pháp, qui-y tăng.

(6) *Ngũ-giới* 五戒 : 5 điều răn của nhà Phật : không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói càn, không uống rượu, không ăn thịt.

(7) *Nhân-quả* 因果 : tiếng nhà Phật. Nhà Phật cho những việc làm là Nhân, việc ứng lại là Quả, ví như cấy lúa là nhân, gặt thóc là quả, nhân tốt thì được quả tốt, nhân xấu thì bị quả xấu, đó là lẽ tự-nhiên, cũng như làm thiện gặp thiện, làm ác gặp ác.

(8) *Di-đà* 彌陀 : kinh nhà Phật.

« Sớm cúng quả, tối dâng hoa,
« Duyên xưa nữ phụ, đề già độ cho.
« Trên tứ bảo (2), dưới tam đồ (2),
« Lòng tin hai chữ nam-mô (3) báo đền.
« Diệu-Thường (4) mới đặt là tên,
210.—« Hãy cho đưa xuống phòng thiền nghỉ-ngoi»,
Nàng vâng thụ-giáo Như-lai (5),
Nhỏ to mới già ơn người họ Trương.

NỖI BUỒN CỦA DIỆU - THƯỜNG
TRONG KHI Ở CHÙA

Thoắt thôi về chốn tĩnh-đường (6),
Buồn trông phong-cảnh tha hương (7) ngập-
ngừng.

(1) *Tứ bảo* 四寶 (?)

(2) *Tam đồ* 三途 : Ba đường hiểm, nhà Phật cho tam đồ là Ngã-quỉ, súc-sinh và địa-ngục. Trong kinh Phật nói rằng : Địa-ngục tên là đường hỏa-dồ, ngã-quỉ tên là đường đạo-dồ, súc-sinh tên là đường huyết-dồ.

(3) *Nam-mô* 南無 là tiếng Phạn, gọi chấp tay cúi đầu là Nam-mô. (Nghĩa là cung-kính).

(4) *Diệu-Thường* 妙常 : pháp-hiệu đặt cho Kiều-Liên :

(5) *Như-lai* 如來 : Hiệu Phật. Kinh Kim-Cương nói : không tự đâu đến cũng không đi đến đâu, nên gọi là Như-lai (vô sở lòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh như lai 無所從來亦無所去故名來如).

(6) *Tĩnh-đường* 靜堂 nhà im-lặng, nơi tu-hành. Hay là *Tĩnh-đường* 淨堂 : nơi trong-sạch.

(7) *Tha hương* 他鄉 : Làng khác, quê người.

Kìa thì bụt, nọ thì tăng,
 Chẳng hay từ-mẫu (1) lạc chừng nơi nao ?
 Than rằng : « Đội đức cù lao (5),
 « Bề sâu mấy trượng, Trời cao mấy trùng ?
 « Nếu sinh là kiếp đàn-ông,
 .— « Thời tìm nước tắm, non bông (3) quân
 chi !
 « Bởi sinh là phận nữ-nhi,
 « Nghĩ thì càng tủi, nhớ thì luống thương.
 « Từ-ô (4) chim-chóc vật thường,
 « Còn mong kiếm chốn tìm đường trả ơn.
 « Mưa sầu gió thảm từng cơn,
 « Để ai chịu phận thôn-bơn một bề (5) !
 « Biết ai giải tẩm lòng quê ?
 « Có chẳng đợi đức từ-bi (6) chuyển-văn ».

(1) *Từ-mẫu* 慈母 : me hiện, me đẽ.

(2) *Cù-lao* 劬勞: khó nhọc, bởi câu: ai tại phụ mẫu, sinh ngã cù lao 哀哀父母生我劬勞, thương thay cha mẹ sinh ra ta khó-nhọc.

(3) Nước thăm non bông, bởi câu 弱水慈山 chỉ về cõi tiên xa cách với trần-thế.

(4) *Từ-ô* 慈烏 : con quạ hiền, giống chim có biểu
thường đi kiếm mồi về sớm trả mẹ.

(5) *Tục-ngữ* có câu « Thờn-bơn chịu ép một bề ». Câu này ý nói đối với tình-cảnh ấy, dễ ai mà ngồi yên được.

(6) *Từ-bi* 慈悲: Hiền-lành, thương-xót. Biểu-hiệu của đức Phật từ-bi lân-mẫn chúng-sinh.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
230.— Chạnh lòng xảy nhớ Châu, Trần (1) nghĩa
xưa

Dãi-dầu kẻ mấy nắng mưa,
Thề phai, nguyên nhạt, bây giờ biết đâu ?
Quạt này ai để cho nhau (2),
Phong phong, mở mở giải sầu làm khuấy.
Chốn Lam-kiều (3), cách nước mây,
Bùi Hàng (4) kia dễ biết đây nẻo nào ?

(1) *Châu, Trần* 朱陳: Hai thôn ở bên Tàu, đời đời thông hôn với nhau.

(2) *Quạt này* là cái quạt của nhà họ Phan trao cho họ Trần làm vật đính hôn.

(3), (4) *Lam-kiều* 藍橋: tên một cái cầu ở Trường-an (bên Tàu). *Bùi Hàng* 裴航 người đời Đường, hồng thi, đi chơi phiếm, gặp tiên-nữ đưa cho bài thơ rằng: » Nhất ẩm quỳnh tương bách cảm sinh, nguyên sương đảo tận kiến Vân Anh, Lam-kiều tiện thị thần tiên quạt, hà tất khi khu thương ngọc kinh » 一飲瓊漿百感生元霜搗盡見雲英 藍橋便是神仙窟何必崑崙上玉京 nghĩa là: một nhấp rượu quỳnh-tương thì trăm mối cảm-tưởng sinh ra, song có tán hết thuốc nguyên sương (thuốc trắng như sương mới thấy Vân Anh. Cầu Lam chính là chỗ thần tiên ở, cần-gi phải vắt vắt lên ngọc kinh). Sau Bùi Hàng qua Lam-kiều, khát nước vào hàng một bà già, bà gọi con gái là Vân Anh lấy nước cho uống. Thấy đẹp, Bùi Hàng mượn mối đến hỏi làm vợ. Bà già thách cưới có chày và cối giã bằng ngọc mới gả. Về sau, Bùi Hàng lại gặp tiên cho chày cối ngọc dùng làm sính-lễ để tán thuốc, mới lấy được Vân Anh. Kết cục vợ chồng đều được lên cõi tiên.— Rút trong « Thái-bình quảng-ký ».

TRUYỆN PHAN TRẦN

Non Thiên-thai (1) mẩy trượng cao,
Lưu Lang (2) chưa dễ tìm vào tới nơi.
Đã dành góc bể bên trời (3),
240.— Lân-la ngày bạc quá với xuân-xanh (4).
Một mình những tủi duyên mình,
Nén hương biếng thấp, quyền kinh ngại nhn.

SƯ - GIÀ KHUYÊN - GIẢI DIỆU-THƯỜNG

Phải chi sư-phụ (5) bước lên,
Đề chừng mới hỏi rằng duyên-có nào ?
« Ra chiều ủ liễu phai đào,
« Hạt châu lai-láng, quyền bào chưa phai.

(1) (2) *Thiên-thai* 天台 : núi thuộc tỉnh Chiết-giang bên Tàu. *Lưu Lang* 劉郎 tức Lưu Thần đời Hán, ngày tết Đoan-ngọ, cùng Nguyễn Triệu vào Thiên-thai hái thuốc gặp tiên, chung sống trong nửa năm, khi trở về đã đến đời thứ 7.

(3) *Góc bể bên trời*, bởi chữ hải giác thiên-nhai 海角天涯.

(4) *Ngày bạc* bởi chữ bạch nhật 白日, *xuân xanh* bởi chữ thanh xuân 青春, nói theo ý trong câu thơ : bạch nhật mạc nhân quá, thanh xuân bất tái lai 白日莫間過青春不來再, ngày bạc đừng bỏ qua, xuân xanh không trở lại.

(5) *Sư-phụ* đây chỉ vào người sư-trưởng trong chùa : Sư-thầy.

- « Hay là nhớ chốn Chương-dài (1),
« Xạ-lan mùi cũ, hán-hải thói xưa.
« Hay là nhớ nổi mây mưa,
250.— « Ước-ao nghĩa phượng, đợi-chờ bạn loan ?
« Hay là tiếc thừa hồng-nhan,
« Sợ phai thức phấn, e tàn nhị hoa ?
« Hay là khổ-hạnh tương ca,
« Hư thân mâm ngọc đĩa ngà bấy nay ? »
Diệu-Thường ren-rén thừa bài :
« Nối tôi, tôi bạch, lạ thầy, thầy thương.
« Loạn-ly từ cách gia-hương,
« Trông ơn thầy đã rộng đường bao-dong.
« Tưởng câu sắc sắc không không (2),
260— « Dám đâu còn bạn chút lòng gió trắng !
« Chín e từ-mẫu lạc chừng,
« Một mình chẳng biết núi rừng là đâu.

(1) *Chương-dài* 章臺 tên một cung dựng từ đời Tần. Tiếng thông xưng các nơi cung-diện lâu-dài đời Chiến-quốc. Đây nói về nơi đài-các lịch-sự.

(2) *Sắc sắc không không* 色色空空 : Tiếng nhà Phật. Sắc, nói về hết thấy những cái có hình-tượng hiện rõ ra ngoài. Không là hư-không chẳng có gì cả. Người ta đã dịch bốn chữ sắc sắc không không thành câu lục bát : « Có thì có tự may may, không thì cả thế-gian này cũng không ».

TRUYỆN PHAN TRẦN

« Mẹ già bóng ngả cành dâu (1),
« Phòng khi sốt mặt, vầng đầu cây ai.
« Đã lo cầu-khẩn bọt trời,
« Nào khoa cứu khổ, nào bài độ sinh (3).
« Càng trông càng vắng phong-thanh,
« Lẽ nào hai chữ ân-tình chẳng thương ».
« Thầy rằng : « Bĩ thái khôn lường,
270.— « Trăng thường tròn khuyết, nước thường
đầy vơi !
« Nhịn sâu mà gượng làm tươi,
« Kéo khi nguyệt mĩa, hoa cười chẳng hay.
« Hãy tu vẹn quả phúc này,
« Đừng long tiếc ngọc, chờ lay cơ huyền.
« Kla Địa-Tạng (3), nọ Mục-Liên (4).

(1) *Cánh dâu* do chữ tang du 桑榆. Khi mặt trời sắp lặn, bóng nắng còn sót lại trên cành dâu, người ta quen dùng chữ tang du chỉ về cảnh già. Câu này cũng theo ý ấy, nói mẹ già chẳng biết sống được bao nhiêu nữa, như bóng mặt trời đã ngả sắp lặn về tây.

(2) *Cứu khổ, độ sinh* 救苦度生 là những khoa phạm của nhà Phật nói về cứu độ chúng sinh.

(3) *Địa-Tạng* 地藏 : danh hiệu một vị Bồ-Tát, phát thệ độ hết 6 đạo chúng-sinh.

(4) *Mục-Liên* 目連 cũng gọi là Mục-Kiên-Liên, đệ-tử nhà Phật, có phép thần-thông, từng vào địa ngục để cứu mẹ. Vì đó thế-tục mới có hội « Vu-lan bồn » 盂蘭盆 : Lấy chậu chứa bách vị cúng dâng chư Phật, để giải cái tai-ách treo ngược cho chúng-sinh. Hội này cử-hành hồi tiết Trung-nguyên tháng 7, tức là ngày Mục-Liên xuống địa ngục cứu mẹ. Vì mẹ Mục-Liên ở địa-ngục, hễ ăn thứ gì vào miệng th lập tức cháy thành lửa, nên nhà Phật làm thế để độ nạn.

« Độ thân (1) dẫu xuống cửu-tuyền (2) cũng an.

« Lọ là người ở trần-gian,

« Đùng lo-lắng nữa, chớ phàn-nàn chi.

« Ở đây nhờ đức Từ-bi,

280. — « Mẹ con ắt cũng có khi lại gần ».

DIỆU-THƯỜNG YÊN TÂM NƯƠNG-NẤU CẢNH CHÙA

Nàng nghe thầy dạy ăn-cần,

Tát voi bễ Sở, khơi dần sông Nghiêu (3).

Muối-dưa đắp-đồi ít nhiều,

Sớm khua mỡ cá, tối khêu chuông kinh (4).

Vàng trắng bạc, ngọn đèn xanh,

Dâng hương ngũ-vị (5), tụng kinh tam-thừa (6).

(1) *Độ thân* 度親 : cứu độ đấng thân (cha mẹ).

(2) *Cửu-tuyền* 九泉 : nơi chín suối, dưới âm-phủ :

(3) *Bễ Sở sông Nghiêu* cũng như bễ khở sông mê, nói bóng về những nỗi phiền-não của loài người bị chứa-chất trong tám thân.

(4) *Mỡ ché* hình con cá. *Chuông* chạm hình cá Kinh (thứ cá to ngoài bễ).

(5) *Ngũ-vị* 五味 : năm mùi thơm.

(6) *Tam-thừa* 三乘 : ba cỗ xe nghĩa là chuyên-chở, tiếng nhà Phật : tam thừa là : Bồ-tát-thừa, Tích-chi-thừa, Thanh-vân thừa 菩薩乘辟支乘聲聞乘 do các nhà tu năng-lực khác nhau, nên phân làm 3 hạng ấy.

- Nhân hây gió, đức nhuần mưa,
Vượn dâng quả cúng, chim đưa hoa mừng. (1)
Đàn thông, phách suốt vang lừng (2),
290. — Cá khe lắng kệ, chim rìu nghe kinh.
Mây phủ tán, liễu che màn,
Nước-non Thiên-trúc (3), cung-đình Bồng-lai (4).
Hoa thơm cỏ lạ đời nơi,
Đã hay rằng cảnh có người mới yêu ! (5).
Vãng-lai quan-khách dập-diu,
Kẻ lên lễ phật, người vào bạch sư.
Nơi viết kệ, chốn đề thơ,
Mắt trần càng nhộn, lòng từ càng thanh.
Rửa không thể-tục thường tình,
300. — Một bình tĩnh-thủy, một cảnh dương-chi (6).

(1) Loài vượn loài chim dâng quả dâng hoa cúng Phật.

(2) *Cây thông* là reo có dịp-dàng tựa như đàn gảy, suốt nước chảy róc rách như tiếng gõ phách, nên gọi là đàn thông phách suốt.

(3) *Thiên-trúc* 天竺 là nước Phật.

(4) *Bồng-lai* 蓬萊 là cõi tiên.

(5) Câu này ý nói đã hay là có cảnh đẹp, nhưng có người thì cảnh mới thêm đáng yêu.

(6) *Tĩnh-thủy* 淨水 : nước trong sạch. *Dương-chi* 楊枝 : cành dương, đều lấy tích nhà Phật : Phật-đồ-Trùng 佛圖澄 người nước Thiên-trúc, có con bị bạo tử (chết tươi), lấy cành dương sắp nước vẩy vào mặt lại sống lại. (Theo sách Pháp-Uyển châu lâm).

Những mong nương-náu qua thì,
Biết đâu cơ-tạo, chắc gì nhân-duyên.

PHAN-SINH ĐẾN
THĂM CÔ Ở KIM-LĂNG

Ai ngờ một tấm tự-nhiên (1)
Có khi cũng động đến trên chuyền-văn.
Hai phương chỉ Tấn, tư Tần,
Bỗng đâu như giắt dần dần lại cho.
Phan-sinh từ ở Thành-đô (2),
Lần lần nắng hạ, mưa thu từng ngày.

Nhớ song-thân, ngậm-ngùi thay,
310. — Nhớ hương-thôn, cách nước mây mấy từng.

Nhớ xưa còn nhỏ nghe rằng :
Có cô tu ở Kim-lăng (3) cũng gần.
Tức thì trở nẻo đời chân,
Thênh-thênh bãi bạc, lần lần dặm xanh.
Mới hay sơn-thủy hữu tình,
Cỏ-hoa đón khách, én-anh đưa người.

Cửa chùa phơi-phới gần nơi,
Nhác trông cảnh bụi bầu trời lạ sao !

Chập-chồng quán thấp, lầu cao,
320. — Hương nghi-ngút toả, hoa ngào-ngạt bay.

(1) Một tấm tự-nhiên tức là tấm lòng.

(2) Thành-đô 成都 thuộc tỉnh Tứ-xuyên bên Tàu.

(3) Kim-lăng : Xem chú-thích trang 24 số 4.

TRUYỆN PHÂN TRẦN

- Chuông rền, mõ ruổi, khánh lay,
Thông già điểm trống, trúc gầy khua sênh.
Thầy đương kinh-giáo tập-tành,
Diệu-Thường đứng tựa bên màn câu-lon.
Nhác trông ra mái tam-quan,
Thấy chàng niên-thiếu lạc ngàn ngăn-ngờ.
Lạ con mắt, hầy còn ngờ,
Thác mảnh-mảnh, hỏi : « khách thơ quê nào ?
« Vả con người cửa mạn-đào (1),
330. — « Việc gì mà khéo tìm vào non sâu » ?
Sinh nghe khúm-núm dưới lầu,
Gửi rằng : « Con-cháu sang hầu sư-cô.
« Trình tên-tuổi, bạch duyên-do,
« Giở nông-nỗi trước, kể trò-chuyện sau ».
Sư nghe lặng-ngắm giờ lâu,
Quyền vàng sẽ gác, hạt châu sứt-sùi.
Dạy rằng : « Hãy bước vào ngời,
« Thế mà cô nghĩ là ai, vô tình !
« Mời thăm hỏi sự nhà mình,
340. — « Anh thông-thả, chị bình-ninh, cô mừng.
« Khen ai tỏ nẻo đưa chừng,
« Cho con lặn suối, băng rừng tới đây !
« Đây tuy thú mọn cỏ cây,
« Thanh-nhân cứ ở lâu ngày cũng quen.
« Gần cô cho tiện sách đèn,

(1) Mạn đào do chữ đào lý 桃李 cửa mạn đào là nơi
quyền-quí sang-trọng : (đào, lý công-môn 桃李公門)

TRUYỆN PHAN TRẦN

« Lọ là khuấy-nhiều chốn phồn-hoa chi !

« Cũng đừng áy-náy lòng quê,

« Bao giờ áo gấm mặc về (1) mới cam !

« Ngựa hồng, đai bạc, áo lam (2),

350. — « Trời cho, vả có chi làm thì nên !

« Phải khi hương-lửa bén duyên,

« Bỏ công tuổi-tác, rạng nền tổ-tông ».

PHAN SINH ĐƯỢC SƯ-CÔ

LƯU Ở CHÙA ĐỌC SÁCH

Dạy thôi mới dẫn Hương-Công (3),

Đưa chàng về mái tây-phòng nghĩ chân.

Trải xem thú lạ chiều xuân,

Hoa kề cửa động, đá ngăn vách chiền.

Người thành-thị, kẻ lâm-tuyền,

Đòi phen thấy cảnh, đòi phen chạnh niềm.

Tưởng người nương cánh hé rèm,

360. — Gọi Hương-Công mới dò xem sự lòng :

« Ấy ai tầm-thước trẻ-trung,

« Chực hầu sư-phụ đứng trong giảng-đường (4)

(1) Áo gấm mặc về, do câu : mã thượng cầm y hồi 馬上錦衣回 ý nói thi đỗ cỡi ngựa mặc áo gấm vinh-quí.

(2) Cỡi ngựa hồng, đeo đai bạc, mặc áo lam đều là những nghi-vệ, phẩm-phục sau khi đã thi đỗ.

(3) Hương-Công : Tên một bà vải ở chùa.

(4) Giảng-đường 講堂 : Nhà giảng kinh, nhà dạy học.

- Bấy giờ e-lệ chưa tường,
« Lâu lâu lại thấy thoáng gương ả Hằng ? »
Thấy lời, Hương mới thưa rằng :
« Người đâu chẳng biết, lạc chừng tôi đây.
« Vả khi lỡ bước đường mây,
« Nàng Trương đưa đến chốn này qui-y.
« Khách đà về đạo từ-bi,
370. — « Nhìn làm chi ? hỏi làm chi ? hơi chàng !
« Già-nua thưa-thốt sỗ-sàng.
« Thôi thôi xin xuống tỉnh-đường (1) hầu cô ».
Nghe lời, sinh mới then-thò,
Gượng thưa rằng : « Hãy xét cho, chớ cười.
« Lạ-lùng nên mới hỏi chơi,
« Há rằng đã tận tình ai ru mà ! »
Vãi Hương từ trở về nhà,
Một mình chàng chốn lầu hoa, lại càng.
Thôi thắc-thỏm, lại mơ-màng,
380. — Đèn xanh một ngọn, quyền vàng ba con.
Biết ai mà được nỉ-non,
Tối than trắng chị, ngày đon gió di (2).
Niềm riêng khôn chút tả đề,

(1) *Tỉnh-đường* : xem chú-thích trang 27 số 6.

(2) *Trắng chị* bởi chữ nguyệt tỷ 月姊, chỉ nàng tiên trong cung trăng. Thơ của Lý Thương Ẩn : nguyệt tỷ tăng phùng hạ thái thiềm 月姊曾逢下彩蟾 : chị nguyệt từng gặp tới cung trăng. *Đon* : Hỏi đon hỏi ren.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Hoàng-oanh hót nhớ, tử-qui kêu sầu (1).

Bồi-hồi thảng trợn, ngày thâu,
Trong lòng đã vậy, trên đầu chưa hay.

PHAN-SINH GẶP DIỆU- THƯỜNG LẦN ĐẦU

Bống đầu may khéo là may,
Nhác trông ra mái lầu tây thấy nàng.

Thần-thơ trước dãy hành-lang (2),
390. — Vịn cảnh biếc, hái hoa vàng làm thính.

Xa xa phảng-phất dạng-hình,
Đức Quan-Âm đã giảng-sinh bao giờ !

Vội-vàng làm cách bơ-lơ,
Đến gần ướm hỏi khách thơ một lời :

« Kề từ đến cảnh bông-lai (4),
« May thay đã trộm thấy người tiên-cung.

« Mời hay hai chữ sắc không (5),

(1) *Hoàng-oanh* 黄莺 là chim vàng anh, tiếng hót véo-von nghe rất vui tai. *Tử-qui* 子規 là chim quốc, tiếng kêu khác-khoái nghe ra sầu-thảm. Câu này ý nói cảnh buồn. Và còn tả cảnh cuối xuân (oanh) sang hạ (tử-qui).

(2) *Hành-lang* 行廊 : Dãy nhà ngang chạy dài ở các nơi cung-diện đền-miếu nào.

(3) *Quan-Âm* 觀音 tức Quan-thế-âm, danh-hiệu đức Phật, vì đời Đường kiêng tên vua Thái-Tôn, bỏ bớt một chữ Thế 世, chỉ gọi có hai chữ Quan-Âm. Tượng Phật Quan-Âm tó theo hình đàn-bà, diện-mạo đẹp-đẽ lộng-lẫy. Đây nói người đẹp tướng như đức Quan-Âm giảng-sinh, trở Diệu-Thường.

(4) *Bông-lai* xem chú-thích trang 34 số 4

(5) *Sắc không*, xem chú-thích trang 31 số 2.

- « Chẳng tơ mà dễ rối lòng trần-duyên,
« Ba sinh ước vẹn mười nguyên,
400. — « Chiêm-bao lần-quần ở bên giảng-đình (1).
« Sur còn lân-mẫn (2) chúng-sinh,
« Xin thương đến tấm lòng thành với nao ! »
Bỗng nghe tiếng lạ-lùng sao,
Trái tai khôn biết lẽ nào dám thừa.
Nghĩ mình ở đám muối-dưa,
Há nên tìm tiếng đông-dưa cùng người.
Làm thình thà chịu kém lời,
Thềm hoa lần bóng, phòng trai trở giày.
Vội-vàng khép bức rèm mây,
410. — Ngoài hiên còn chút hương bay với chàng.

PHAN-SINH PHẢI LÒNG
DIỆU-THƯỜNG, NHỜ VẢI
HƯƠNG-CÔNG LÀM MỐI

Một mình lui tới bẽ-bàng,
Khôn về năn-nỉ, dễ đường nhẩn-nhe !
Đeo sầu chàng trở ra về,
Xem chiều thên-thện, e-e nực cười.
Trách người một, trách ta mười !
Bởi ta sàm-sỡ, nên người dầy-dun.

(1) Giảng-đình cũng như giảng-đường, xem chú-thích trang 37 số 4.

(2) Lân-mẫn : thương-xót.

TRUYỆN PHAN TRẦN

- Còn trời, còn nước, còn non,
Còn trăng, còn gió, hãy còn đó đây.
Trăng trắng, gió gió, mây mây,
420.— Biết là giờ nổi nước này cùng ai !
Chờ khi vắng-vẽ hiên mai,
Tìm Hương mà lại giải-bày cùng Hương :
« Rằng đây há khách tầm-thường,
« Đem thân đài-các (1) mà nương cửa chiền.
« Một là an phận chờ duyên,
« Hai là thông-thả sách-đèn cũng vui.
« Cho nên đưa-muối phải mùi,
« Những say mùi đạo mà nguôi nổi nhà.
« Sớm trưa ai kẻ biết ra,
430.— « Đã quen làm nũng với già bấy lâu.
« Nghĩa sâu đành trả ơn sâu,
« Bây giờ phải gỡ mối sầu cho xong.
« Kia Ngọc-nữ, nọ Kim-đồng (2),
« Phật-bà chẳng xét thấu lòng ấy chẳng ?
« Cửa Từ phương-tiện đâu bằng,
« Kim-thằng (3) xin đổi xích-thằng (4) này cho.

(1) Đài-các 臺閣 đây nói về nhà quan-tư sang-trọng khác hẳn bình-dân.

(2) Kim-đồng, Ngọc-nữ 金童 玉女 tức Thiên-tài, Lương-nữ 才 善良 女 là đệ-tử trai và gái theo hầu đức Phật.

(3) Kim-thằng 金繩 : dây vàng nhà Phật buộc kinh.

(4) Xích-thằng 赤繩 : dây đỏ của nguyệt-lão xe duyên vợ chồng cho thế-gian, lấy ở tích Vy-Cổ 韋 圖.

TRUYỆN PHAN TRẦN

- « Ở đây về cảnh nhà chùa,
« Lê đầu dám có chuyện-trò trắng hoa.
« Nhưng vì duyên-kiếp thế mà,
440.— Dẫu làm sao cũng cậy già giúp nao ! »
Lặng nghe lời nói thấp cao,
Gửi rằng : « Già biết làm sao sự này !
« Nương mình cửa bụt bấy-chầy,
« Non ngăn thói tục, gió bay niềm trần.
« Hương đèn khuya sớm độ thân,
« Biết đâu quán Sở, lầu Tần viên-vông.
« Nghe lời cũng trộm xét lòng,
« Tu-hành chẳng lẽ lộn vòng gió trắng.
« Vả nàng cũng bạn thiền-tăng (1),
450.— « Ra vào sượng mặt, nói-năng ngại điều.
« Một niềm vàng đá nâng-niu,
« Bây giờ sao nữ giạt-giu mưa mây.
« Huống-chi những tiếng thầy-lai,
« Tuổi này đã trót mũ này che tai.
« Đa mang chẳng dám chịu lời,
« Mặc người Tần Tấn, mặc người Trần,
Châu (2) ».
« Chẳng nghe ngấm-ngẫm giờ lâu,
« Tưởng lời Hương nói ra màu đầy-đưa.
« Hai hàng lã-chã dường mưa :
460.— « Biết đem lòng ấy bây giờ cậy ai.

(1) *Thiền-tăng* 禪僧 : Nhà sư ở chùa, đây nói là cùng bạn sư vãi với nhau.

(2) *Tần, Tấn, Trần, Châu* xem chú-thích trang 29 số 1.

TRUYỆN PHAN TRẦN

- « Vì duyên nên phải vật-nài,
« Có thương thì xét mà cười thì oan.
« Ba trắng nấn-ná thiền-quan (1),
« Nghĩ quen-thuộc ấy mà van-vĩ cùng.
« Nào ngờ ngại tiếng, quản công,
« Nào lòng quăng-đại, nào lòng từ-bi.
« Chẳng yêu, chẳng xót, chẳng vì,
« Lại còn bịn-rịn làm chi cảnh này ?
« Bụt, trời, xin chứng lòng ngay,
470.— Duyên kia dù rủi dù may tại già ».
 Nghe lời năn-nỉ thiết-tha,
 Ngọt-ngào đầu lưỡi, mặn-mà lỗ tai :
 « Vâng ra thì tiếng đề đời,
« Chẳng vâng thì bỏ lòng người biết bao !
 « Tận từ dám tiếc công nào,
« Còn e lòng khách động Đào khùng chẳng !
 « Bây giờ làm khách thiền-tăng,
« Say-sưa mùi đạo, dừng-dừng bụi hồng (2).
 « Lệ chi hoa chẳng chiều ong,
480.— Uồng công tuổi-tác then lòng văn-nhân (3) ».
 Chàng rằng : « Già hãy ân-cần,
 « Đàn này tai ấy dần-dần cũng êm.

(1) *Thiền-quan* : 禪 關 : Cửa nhà chùa.

(2) *Mùi đạo* trở về phái xuất gia, bụi hồng trở về phái tại gia còn đương trong đám hồng-trần.

(3) *Tuổi-tác* : vãi Hương tự xưng, vì mẹ đã có tuổi, văn-nhân là trở vào Phan-sinh.

- « Ai hay rằng chẳng cải-kim (1),
« Đã nơi đan-diu nên tìm tới đây.
« Hãy về gln-giặt cho hay,
« Dẫu làm sao quả-phúc này cũng nên ».
Nghe chàng gằn-bó cần quyền,
Vâng lời Hương mới về bên tỉnh-đường (2).
Canh khuya nguyệt gác cảnh sương,
490.— Năn-ni thử ướm xem nường ra sao.
Rằng : « Đây, cảnh quanh non cao,
« Xưa nay biết mặn quen đào là ai.
« Phải chi qua chốn thư-trai (3),
» Thấy chàng khoắc-khoải một lời mà thương.
« Lân-la bỗng giở sự nường,
« Mấy lời thì bấy nhiêu hàng hạt châu.
« Xin người, đã bạch gót dẫu,
« Rừng thiền (4) xin chớ nường màu én-anh.
« Càng van, càng một đình-ninh,
500.— « Rằng duyên, rằng nợ, rằng tình, một hai.
« Nề lời đã trót chịu lời,
« Chiều ai hay chẳng chiều ai mặc nằng »,

(1) *Cải-kim*, do câu : chằm năng thập giới 針能拾芥 cái kim (có từ thạch) hút được hạt cải. Cải-kim hay kim-cải ý nói tình-tình hợp nhau.

(2) *Tỉnh-đường* xem chú-thích trang 27 số 6 chỗ Diệu-Thường ở.

(3) *Thư-trai* 書齋 : nhà học, chỗ Phan-sinh ở.

(4) *Rừng thiền*, do chữ Thiền-lâm 禪林 tức nhà chùa.

DIỆU - THƯỜNG MỸ
LẦN ĐỀU CỤ TUYỆT
VÃI HƯƠNG - CÔNG

Lời đầu thêm động lòng vàng,
Trách ai sac khéo đặt đàng cho nên :

« Gập-gheñh lỗ bước thuyền-quyên,
« Đem thân bồ-liễu (1) nương miền tùng-lâm(2)

« Đã mừng khuất nẻo tiếng-tăm,
« Bướm-ong đầu lại ăm-ăm bên tai,

« Già vâng, tiểu gửi lại người,
510.— « Chốn này chẳng khá dạy lời ong ve.

« Kiếp tu đã nguyện bồ-đề (3),
« Lòng son bảy mối (4). tóc thề mười
phương (5).

« Một đèn, một sách, một hương,
« Dám còn đề mối tơ vương bên lòng.

« Vả người là đấng thư-trung (6),
« Tắc mây đầu nữ đề lồng gương thu.

(1) Bồ-liễu 栴 柳 : giống cỏ cây mềm-yếu, ví bọn nữ-lưu

(2) Tùng-lâm : 叢 林 : nơi tăng-đồ tụ-hợp đông-đủ, tức cảnh nhà chùa.

(3) Bồ-đề 菩 提 ; tiếng Phạn, cũng như nói chính-giác 正 覺 (Biết sự ngay-thẳng).

(4) Bảy mối, tức thất tình 七 情 : mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn.

(5) Mười phương do chữ thập phương 十 方, kinh Phật gọi đông, tây, nam, bắc : đông-nam, tây-nam, đông-bắc, tây-bắc và trên, dưới là 10 phương, mỗi phương có một Phật.

(6) Cồ-thi : Thư-trung hữu nữ nhan như ngọc 書 中 有 女 顏 如 玉 : Trong sách có gái đẹp như ngọc. Chữ thư-trung nơi đây ý nói Phan-sinh là bậc học trò giỏi, chịu khó đọc sách khắc có vợ đẹp.

- « Bao-dung xin hãy xét cho,
« Từ rày những tiếng nhỏ to gác ngoài ».
Xem nàng vàng đá chẳng đời,
520.— Vội-vàng lại đến thư-trai trình chàng :
« Đã vãng uyển-chuyển trăm đường,
« Khăng-khăng khóa ngọc, then vàng chẳng long.
« Ai ngờ con trẻ lạ lùg !
« Kiên gan có lẽ ép lòng làm sao.
Chàng rằng : « Nghe rõ tiêu-hao,
« Như nung dạ sắt, như bào lòng son.
« Dem mình làm khách thiên-môn,
« Gió lay trướng ngọc, tuyết mòn án nghiên.
« Vẽ chi hai chữ tình-duyên,
530.— « Nhẹ danh tài-tử, nặng nguyên giai-nhân.
« Dem mình van-thiết mấy lần,
Mười phần mà chẳng một phần ử-ê.
« Ai hay phép Phật cả nề,
« Ở thì cũng thẹn, về thì chẳng xong.
« Ấu là già hãy giúp công,
« Lại lần này nữa xem lòng ra sao ?
« Dặn rằng đã quyết chí cao,
« Nợ lòng đề đến kiếp nào trả cho ?
« Chẳng thì ra trước cửa chùa,
540.— « Mà nghe khách niệm nam-mô một lời.
« Đoan rồi nam bắc đôi nơi,
« Nối-niêm phó mặc but trời chứng-minh ».
Nghe lời chàng đã biết tuh,
Trở về Hường mới đình-ninh gót đầu.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Rằng : « Xin nửa khắc đến hầu,
« Đợi nàng một tiếng giã nhau mà về ».

Thấy người đeo-đẳng mọi bề,
Ngập ngừng trước mặt, liễu e cúi mày.

Van rằng : « Đừng nổi bèo mây (1),
550.— « Phận này ngỡ được chốn này là yên.

« Ai ngờ quả kiếp xui nên,
« Một thân thiếu-nữ truân-chiến mấy lần.

« Đã nhờ tình thực ân-cần,
« Chẳng thương mà dlay nợ-nần trắng hoa.

« Phỏng khi sự-phụ biết ra,
« Người là thân-thích, ta là ngược-xuôi.

« Gió bay lời thề xa-xôi,
« Thì ta hồ dễ đứng ngời được đây !

« Ấu là chịu bạc cùng thầy.

560.— « Liệu đường mà giã cảnh này cho xong.

« Phận bèo bao quản long-đong,
« Thà rằng lánh trước hơn rằng luy sau ».

« Thấy chiều lan thăm, huệ sầu,
« Xót nàng, Hương mới ra màu van-khuyên :

« Lạy nao, xin chớ với phiền,
« Trót đà lỡ miệng, rày xin kín lòng.

« Miễn nàng tiết sạch giá trong,
« Vàng không then lửa, sen không nhuộm bùn.

« Quả tu ve-vuốt cho tròn,
570.— « Bồng mà ruộng-rẫy nước-non sao đành !

(1) Đám bèo mặt nước, đám mây trên không đều là vật trôi-nổi phút hợp phút tan không nhất-định. Đây ví với nông-nỗi của người con-gái gặp bước lạc-loài,

« Ba trắng tiếng kệ câu kinh,
« Bạch-viên sao nữ phụ tình Huyền-Trang (1) ».
Nàng nghe Hương nói nề-nang,
Kấp (2) sàu lại mở quyền vàng làm khuây.
Xăm-xăm Hương một lòng ngay,
Lại sang đến chốn mọi ngày đình-ninh.
Rằng : « Chàng cửa tướng nhà khanh,
« Lừa đôi há hiểm cầm lành đưa duyên.
« Khuyên người đèn-sách bút-nghiên,
580.— « Sự nàng xin chớ cần-quyền nữa chi.
« Nếu nàng phải bước ra đi,
« Nữa oan lòng khách, tội thì tại ai ? »
Bỗng không thấy thốt hải người.
Van rằng : « Chẳng dám ép-nài nữa đâu !
« Xin đừng đề tiếng cho nhau,
« Chẳng thì non thăm, vực sâu cũng tìm.

(1) *Bạch-viên* 白猿 : Vượn trắng, Huyền-Trang 玄奘 tức Đường-tăng, người ở Yên-sư, xuất gia từ thừa nhỏ, học khắp các kinh sách nhà Phật, từng đi sang Ngũ Ấn-độ đem về được hơn 650 bộ kinh, cùng đệ-tử dịch được 75 bộ, thành 1338 quyển. Phật-giáo ở Trung-quốc thịnh-hành từ đây. Đường-Tăng có nuôi một con vượn trắng, rất tinh khôn, sau đem dâng Đường Minh Hoàng hồi loạn An-lộc-Son tự-nhiên mất. Hơn 10 năm sau, một hôm có Viên phu-nhân vợ Tôn-Khắc, Phán-quan ở Nam-khang đến lễ chùa, cung-tiến một cái vòng bích ngọc, nói là của chùa xin trả lại. Đường-Tăng nhận ra thì là chiếc vòng buộc ở cổ con vượn trắng ngày trước. Ngánh lại đã thấy Viên phu-nhân hóa thành vượn trắng leo lên cây chuyền vào rừng xanh (東陽夜怪錄)

(2) *Kấp* : lấp. *Giập* : giúp,

TRUYỆN PHAN TRẦN

« Cây già về giữ cho im,
« Dám còn nhẩn cá gửi chim nữa nào ! »

THẤT - VỌNG VỀ TÌNH PHAN-SINH ỚM TƯƠNG-TU

« Chàng từ thừa-thót âm-hao,
590. — Tới lui ngần-ngại, ra vào dỏ-dang.
« Gió từ hây-hây đưa hương,
Lạnh-lùng ánh tuyết đoạn-trường đòi nau !
Trắng thiền vắng-vặc in lâu,
Lâm-râm đèn hạnh gượng sầu thiu-thiu.
Tiếng chuông, tiếng cảnh, tiếng tiu,
Sách nhìn biếng đọc, cầm treo biếng đàn.
Bấy nay nương-náu thiền-quan,
Muối-dưa nhạt-nhẽo, sương hàn pha-phôi.
Lại thêm sầu-não đứng ngồi,
600. — Đá kia cũng đổ bờ-hỏi lọ người !
Bệnh tương-tư cũng nực cười,
Dễ phương ngũ-tích, dễ bài bát-trần. (1)
Bùa nào giảm, thuốc nào dần,
Dược-sư ngàn nỗi, Lão-quân khôn điều (2),

(1) Ngũ-tích 五積 Bát-trần 八珍 : tên hai bài thuốc chữa bệnh thất tình nội thương.

(2) Dược-sư 藥師 : thầy thuốc, nhà Phật có kinh Dược-sư, tụng đề tiêu tai diên thọ 消災延壽 (trúc bỏ tai-nạn cho được sống lâu). Lão-quân 老君 tức Thái-thượng lão-quân 太上老君 bậc tối-cao của Đạo-gia phụng-sự. Câu này ý nói bệnh khó-khăn, dầu bực thiêng-liêng cao-cả đến đâu cũng khó chữa.

Có chẳng liên-nhục, liên-kiểu (1),
Dùng thang đồng-nữ (2) mới tiêu bệnh chàng,
Lòng cô còn rộn trăm đường,
Mười phương đã khắp, nén hương đã tàn (?).
Bói thì ra quả Phong-san (3),
610.— Động hào thiếu-nữ (4) ai bàn cho ra.
Có chẳng ta biết sự ta,
Diệu-Thường là một, vãi già là hai.

NỀ SƯ GIÀ, DIỆU-THƯỜNG
ĐẾN THĂM BỆNH PHAN-SINH

Vì sư vả cũng nề người,
Nàng theo Hương đến phòng trai thăm chàng.
Nghiêng mình hé bức rèm sương,
Chiều thanh khép-nếp, tiếng vàng khoan-thai.
« Trộm nghe sương tuyết hơi hơi,
« Thuốc xoi giảm mấy, cơm xoi thế nào ?

(1) *Liên-nhục* 連肉, *liên-kiểu* 連魁 tên hai vị thuốc, dùng cho bệnh-nhân uống để khai-uất.

(2) *Đồng-nữ* 童女 tức là vị thuốc « bạch đồng-nữ », một vị thuốc để chữa bệnh. Chữ đồng-nữ đây nói bóng về Diệu-Thường.

(3, 4) *Kinh, Dịch* một bộ sách bói của đời xưa, có 64 quẻ mỗi quẻ sáu hào hoặc âm hoặc dương, đây đương bệnh mà bói được quẻ phong-san 風山 (gió, núi) nói rõ là động về âm, động hào thiếu-nữ 少女 chẳng còn sai, vì Phong-san là quẻ Tiệm, một quẻ trong 64 quẻ, mà theo thoán-từ (lời đoán) thì chỉ gả con gái là tốt (nữ qui cát 女歸吉).

TRUYỆN PHAN TRẦN

« Lạy trời cho mát-mẽ nao,

620.— « Kẻo sự tuổi-tác ra vào bấn-khoăn ».

Bên tay nghe tiếng nàng gần,
Mười phần phiền-não, chín phần đồ sông.

Vội-vàng tay gạt đôi giòong,
Bạch rằng : « Đã đợi ơn lòng đến đây.

« Bệnh sao cơn tỉnh cơn say,
« Mới rồi thì thế lúc này thì không.

« Như lúc này, thế đã xong,
« Rồi ra nào biết được thông-thả này !

α Vì ai trời nhẽ có hay,

630.— « Độ trì cho hoạ là may chút nào ».

Hạt châu thánh-thót quyền bào (1),
 Xem hoa đường võ, xem đào đường phai.

Chiều lòng nàng phải lựa lời,
Rằng : « Người thành kính thì trời chứng-trì.

« Hầy xin hỉ-xả từ-bi,
« Con này đừng thắc-mắc chi thêm càng ».

**Sinh dương nấu sắt nung vàng,
Bổng nghe như nước cành dương tưới nhuần.**

Thảnh-thơi thư-sảng tinh-thần,

640.— Thiều-quang (2) đem lại, phong-trần (3) giữ bay.

(1) *Quyển bào* 卷袍 : vạt áo cuốn lại.

(3) *Thiếu-quang* 韶光 : Đẹp-đẽ sáng-sủa như cảnh mùa xuân.

(4) *Phong-trần* 風塵 : Gió bụi nhem-nhuốc.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Vừa mong giở nổi niềm tây,
Ngoài hiên nghe xịch tiếng giày xa xa.
Giã sinh, nàng trở gót hoa,
Khơi mảnh-mảnh thấy sư-già đến thăm.
Thấy chàng tựa án nâng cầm,
Nhẹ-nhàng sư mới bình tâm trở về.

PHAN-SINH ÔM BỆNH CẤT LÊN ĐẾN TẠ ƠN DIỆU - THƯỜNG

Đêm thanh nguyệt gác rèm the,
Xa trông bóng đã đèn khuya cách lâu.
Sầu vừa ngọt ngọt lại sầu,
650.— Sông Ngân thử bắc lấy cầu Ô xem (1).
Sao tàn, sương dịu, tuyết êm,
Góc tường ầu bóng bên thềm lân-la.
Thừa khi gió quạt cánh gà,
Lay mảnh mượn tiếng nàng ba lọt vào (2).
« Thương với nao ! nể với nao !
« Làm sao trong ấy ? Làm sao ngoài này ?

(1) *Sông Ngân*, bởi chữ Ngân-hà 銀河, Cầu Ô, bởi chữ ô-kiều 鵲橋 hay thước-kiều 烏橋. Tục truyền tối mùng 7 tháng 7, chim quạ đi đội cầu qua sông Ngân-hà làm đường cho Ngưu-lang và Chức-nữ hội-kiến với nhau ; vì phải đội cầu, nên con quạ nào cũng trụ cả lông ngói (Phong-tục ký).

(2) Ý nói nhờ gió lay mảnh-mảnh đưa tiếng nói lọt vào trong phòng. Nàng ba trở thần gió.

« Một lời công-đức nặng thay,
« Nên bây giờ phải đến đây tạ lòng.
« Đã rằng hỉ-xả bao-dong,

660.— « Gió sương nữ đề lạnh-lùng sao an ! »

Nàng đương khêu ngọn đèn tàn,
Véo-von nghe tiếng ngoài hiên rụng-rời.
Thưa rằng : « Rừng mạch vách tai,
« Đêm hôm xin chờ lắm lời mà chi.

« Xưa nay đã giữ một bề,
« Thương thì cũng đội, trách thì cũng vâng.
« Rút dây chẳng nệ động rừng,
« Làm chi để tiếng lổ-lăng thế cười.

« Thôi thôi tôi cũng lạy người,

670.— « Mời thông-thả, hãy về ngôi, kéo mà ! »

Chàng rằng : « Ta những giận ta,
« Bước rạ gặp via Hằng-nga bẽ-bàng.
« Bấy nay vâng phép Tạng-vương (1),
« Dám còn đeo thối Thọ-dương (2) chốn này.

(1) *Tạng-vương* tức Địa-Tạng-Vương 地藏王 danh-hiệu một vị Bồ-tát (xem chú-thích trang 32 số 3. Người ta vẫn thường tụng-niệm danh hiệu này dùng với Quan-Thế-Âm Bồ-Tát. . . Đại-Thế-Chi Bồ-Tát. . . v. v. . .

(2) *Thọ-dương* tức Thọ-dương công-chúa 壽陽公主 con gái Tống Vũ-đế (bên Tàu), giữa ngày mùng 7 tháng giêng năm dưới hiên điện Hàm-chương, hoa mai rụng xuống trần, thành đóa hoa 5 cánh, gọi là Mai-hoa-trang. Chữ Thọ-dương trong câu này chỉ là mượn chữ để tro những thói trắng hoa trần-tục.

« Vì ơn nên phải đến đây,
« Chẳng thương để tiếng nước mây oan người.
« Hẹp vì một cánh cửa ngoài,
« Chẳng cho vào bạch Như-Lai (1) một điều.
« Kiếp này phụ, kiếp sau yêu,
680.—« Lại như ả Bích (2), quyết liều cho xong ».
Sởn gai, lời thốt lạ-lùng,
Nếu thi gan với anh-hùng thì thua.
Ai cười, trời phật xét cho,
Cho vào mà kẻ duyên-do mới tường !
Cửa mây vừa hé then sương,
Dưới đèn lóng-lánh mặt gương quảng-hàn (3).
Lan mừng huệ, huệ mừng lan,
Ngọc-quan (4) khắp-khởi, từ-nhan (5) ngập-
ngừng.

(1) *Như-Lai* 如來 xem chú-thích trang 27 số 5.

(2) *Cổ Bích-Ngọc ca* : « Bích-Ngọc tiểu gia-nữ, bất cảm phan quý dức 碧玉小家女不敢攀貴德 Bích-ngọc gái nhà xoàng, chẳng dám vịn chỗ sang. Chỗ này Phan-sinh có ý bảo Diệu-Thường : nếu nàng cứ nhún mình như ả Bích-ngọc thì chàng quyết liều. . . để đến kiếp sau yêu nhau vậy.

(3) *Quảng-hàn* 廣寒 do chữ Quảng-hàng-cung (cung rộng-rãi mà lạnh-lẽo) tức là cung trăng. Đây nói mặt gương quảng-hàn nghĩa là nét mặt sáng-sủa lộng-lẫy như mặt trăng.

(4) *Ngọc-quan* 玉冠 : mũ ngọc, ví với người đẹp trai, đây chỉ vào Phan-sinh.

(5) *Từ-nhan* 慈顏 : mặt nhân-từ lại có nghĩa là nét mặt từ-bi của người tu-hành, đây trở Diệu-Thường.

Nỉ-non chàng mới gạn rằng :

690.— « Bấy lâu mượn gió các Đẳng (1) truyền hơi.

« Dương-dài (2) đã trộm Chương-dài (3),

« Cẩn-nguyên phải gạn một lời làm sao.

« Tên gì, quê, họ, nơi nao ?

« Vì đâu xui-khiến chò vào đến đây ?

« Nguồn-cơn xin dạy cho hay,

« Nhật tiền quán nước, làng mây thế nào ? ».

Nàng nghe lời nói bẽ chiều (?) (4),

Giở sao xiết nỗi, nói sao nên lời.

Gửi rằng : « Phận cánh hoa rơi,

700.— « Bây giờ còn dám giấu người sao nên ! »

Năn-nì mới ngỏ sự duyên,

Dấu lòng vàng đá, cũng nghìn xót-xa :

« Đàm-châu, quê thiếp còn xa,

« Họ Trần, tên đặt vốn là Kiều-Liên.

« Bào-thai đã hẹn nhân-duyên,

« Quạt ngà, trâm ngọc kết-nguyên họ Phan.

(1) Các Đẳng, bởi chữ Đẳng-Vương-các 滕王閣 : một cái các rất cao của Đẳng-vương là con vua Đường, cô-thi có câu « thời lai phong tống Đẳng-Vương-các » 時來風送滕王閣 nên người ta hay nói « gió Các Đẳng ».

(2) Dương-dài 陽台 : Tên một ngọn núi ở tỉnh Hồ-Bắc bên Tàu. Nơi Sở-Trang-vương nằm mơ cùng với thần-nữ gặp-gỡ mây-mưa ở đây.

(3) Chương-dài 章臺 : xem chú-thích trang 31 số 1.

(4) Bẽ chiều : vẻ mặt buồn-rầu.

- « Rời ra cách trở quan-san (1),
« Chẳng may bóng hạc khơi ngàn non Hoa (2).
« Cô-đơn, con trẻ, mẹ già,
710.— « Phấn trôi cuốn má, sương pha bạc đầu (3).
« Cửa nhà binh-lửa đâu đâu,
« Tuyết sương quảy một gánh sầu ra đi.
« Đoạn-trường thay, lúc phân-kỳ (4),
« Mẹ thì bãi bắc, con thì non tây.
« Khóc-than cũng thấu cao dày (5).
« Xui nàng Trương lại giắt tay cửa thiền.
« Oan chi chút phận thuyền-quyên,
« Chữ tình cảm-cảnh, chữ duyên bề-bàng.
« Rừng thiền ơn đã rộng thương,
720.— « Khăn-cầu vãi sẵn đèn-hương của người.
« Hoa khi giun-giủi ơn trời,
« Đèn công sinh nặng, giải lời nguyên sáu.

(1) *Quan-san* 關山 nơi cửa ải và núi, trở về địa phương hiểm-trở xa-cách.

(2) Câu này bởi câu « nguyệt-minh hoa biểu hạc qui tri » 月明花表鶴歸遲 (Trăng soi chốn Hoa-biểu chim hạc về muộn). Hoa-biểu là hòn đá đánh dấu mả (mộ chí) Bóng hạc khơi ngàn non Hoa nghĩa là từ-trần.

(3) *Cuốn* : nhẵn.

(4) *Phân-kỳ* 分歧 chia : đường mỗi người đi một ngã

(5) *Cao dày* là trở trời đất, bởi chữ thiên cao địa hậu 天高地厚 trời cao đất dày.

« Thân này mà dở-dang nhau,
« Thì xin tu lấy thân sau để dành.
« Hoa trôi nước chảy lênh-dênh,
« Mặt nào còn giở tâm-tình cùng ai !
« Dù chàng ép trúc nài mai,
« Tìm nơi giếng cạn thấy người hồng-nhan,
« Đề ai ngọc nát, hoa tàn,
730.— « Giải oan chàng phải lập đàn cho nhau ! ».

SAU KHI TỎ TÌNH ĐÔI
BÊN ĐƯA TRÂM QUẠT
ĐỐI - CHIẾU NHẬN NHAU

Sinh nghe ngẩn mặt giờ lâu.
Ngẫm rằng : « Con tạo cơ-mầu khéo thay !
« Bấy lâu mơ-tưởng đêm ngày,
« Ai ngờ Phan đó, Trần đây mà lầm.
« Tri-âm chưa tỏ tri-âm,
« Thì xin bên quạt bên trâm sánh vào ! »
« Vội-vàng mở trap tay trao,
« Nhìn xem nào có chút nào là sai.
« Cảnh trâm thích, quạt chữ bài,
740.— Rành-rành tên họ hai người song song.
Mừng nhau lần kề sự lòng,
Gian-nan ngày trước, lạnh-lùng bấy nay.
Biên lời đó, chép lời đây,
Bút hoa dấu vắn, tờ mây dấu nghìn,
Xe vàng lẫn, áo hồng xen, (?),
Hết phen sầu-não, tới phen vui-mừng.

Rủ tai chàng mới dặn rằng :

« Ở đây nương-náu hãy đừng hờ-hang,

« Công-danh chờ thừa xuân sang,

750.— « Thế nào rồi sẽ phượng hoàng (1) rủ nhau».

Dặn-dò chưa dứt cạn sâu,

Trên am (2) một tiếng chày đầu hải người.

Vội-vàng sinh trở gót hải.

Ngoài hiên hoa đã nhọn cười cùng oanh.

Non đông lò lửa hé mảnh (3),

Tiếng cầm bên ấy, (4) tiếng kinh bên này (5).

Sự-tình một đó một đây,

Dấu bà nghìn mắt, dấu thầy tám tai (6).

Thông thông, trúc trúc, mai mai,

760.— Ngày, người đất bụi ; đêm, người động tiên(7).

(1) *Phượng-hoàng* 鳳凰 là giống chim quý, đứng đầu các loài có cánh, con trống là phượng con mái là hoàng.

(2) *Am* đây là trở vào am chùa.

(3) *Lúc mặt trời hé tia lửa từ phương đông*, nghĩa là buổi sớm mai.

(4) *Phan-sinh* gảy đàn tại thư phòng bên ấy.

(5) *Diệu-Thường* tụng kinh tại tĩnh-đường bên này.

(6) Ý nói sự-tình Phan-sinh và Diệu-Thường bảo nhau giữ kín, thì dấu bao nhiêu người có tai mắt cũng không nghe thấy được.

(7) Ý nói hai người gặp nhau vẫn giữ kín-đáo, ban ngày cùng là người ở chùa, mà đêm đến thì thành ra người ở động tiên, nghĩa là vui-vẻ sum-họp như ở cõi tiên vậy.

Đầu gành còn điểm mõ quyền (1),
Vo-ve đang để bổng chen gió vàng (2).
Khúc cầm thông mới dạo sương (3),
Chào oanh, sớm đã vội-vàng tin mai (4).
Lân-la thảng bụt ngày trời,
Hạ qua, thu tới, đông rồi lại xuân.
Vũ-môn (5) mừng đã đến tuần,
Phượng-loan rày gặp phong-vân phải tằm.

PHAN-SINH ĐI THI
ĐỒ THẨM - HOA

Giục đồng (6) quảy tráp, ôm cầm,
770. — Lên chùa bạch dã, xuống thêm bảo qua.
Nàng rằng : « Chàng học quyết khoa (7),

(1) *Quyền* tức đồ-quyên 杜鵑 : chim`quốc kêu như gõ mõ, nói về cảnh mùa hè.

(2) *Dễ* là đàn để ở dưới đất, *gió vàng*, bởi chữ kim-phong 金風, câu này là tả cảnh sang Thu.

(3) *Thông* là giống cây ưa sương gió, dù gặp mùa rét vẫn xanh tươi. Câu này tả cảnh mùa Đông, thông có lá reo dịp-dàng như cung đàn nên gọi là khúc cầm thông.

(4) *Chim oanh hót*, *hoa mai nở* là báo tin Xuân, câu này tả cảnh mùa Xuân.

(5) *Vũ-môn* bởi câu « Vũ-môn tam cấp lãng » 禹門三級浪 (Ba tầng sóng cửa Vũ) ví người thi đỗ như cá vượt ba tầng sóng hóa rồng. Câu này nói đã tới tuần thi-cử bay nhảy.

(6) *Đồng* là hồ-dòng 童溪 đây tớ theo hầu.

(7) *Quyết khoa* 科決 : xem chú-thích trang 19 số 3.

« Bỏ ngày áo gấm xem hoa sẽ về (1).

« Ở đây nương-náu bờ đề (2),

« Chăm chăm một tấm lòng qui hướng dương
(3).

« Ngùi ngùi dặm liễu ngàn sương,

« Tiễn đưa hai chữ bình-khương với lòng ».

Thoắt thôi ngang dọc tây đông,

Ngựa theo đường cũ ruồi-giong téch-chùng.

Thông reo, vượn hót, chim mừng,

780.— Hương chùa đưa gió, huê rừng phun sương.

Tuần dư (4) vừa tới cửa trường,

Danh-tài mây hợp, hiền-lương sao bày (5).

Cùng vào vầng mệnh năm mây (6),

Côn Bằng (7) phỉ sức, rồng mây phải thì.

(1) Áo gấm xem hoa do chữ y-cầm khăn hoa 衣錦看花 ý nói thi đỗ được ban áo gấm vào vườn Thượng-uyển (vườn nhà vua) xem hoa.

(2) Bờ-đề : xem chú-thích trang 45 số 3.

(3) Qui là một thứ hoa cứ nghiêng-nghiêng về phía mặt trời, nên có câu « Qui tâm hướng nhật 葵心向日 hay là hướng dương 向陽, nghĩa là lòng qui hướng về mặt trời. Câu này ý nói xinh như hoa qui, nghiêng lòng hướng theo mặt trời.

(4) Hơn 10 ngày.

(5) Ý nói các bậc nhân-tài đông như mây và sao tụ hợp trên trời.

(6) Năm mây do chữ ngũ-vân 五雲 : mây năm sắc nơi vua ngự.

(7) Côn : cá côn. Bằng : chim bằng.

Thám-hoa vào lạy đan-trì (1),
Cầm-bào (2) phô cất, hoa-chi giắt đầu (4).
Tiếng thơm lừng-lấy đầu đầu,
Kẻ siêng ong bướm, người mau cá nhàn.
Ngán thay hỡi bạn hồng-nhan,
790.— Làm chi rác lổ tai quan khéo là ! (4).
Một thư nhả gửi về nhà,
Một thư đưa đến cửa già báo tin (5).
Từ ngày chàng ruồi dậm nghìn,
Tắm lòng dựa cánh cửa chiều dăm dăm.
Bên tai thoát mảng hảo âm,
Hoa mơi (?) diễm tuyết, trắng rằm vén mây.
Cổ nghe tin cháu mừng thay,
Đành thay tông-tổ đức dày nhi-tôn.
Thám-hoa ngày ở từ-môn,
800.— Trai thành nên đức Thế-tôn (6) độ người.
Mới hay bỉ cực thái lai (7),
Còn trong trần-lụy, biết ai vương-hầu.

(1) Đan-trì 丹墀 : sân đỏ, sân nhà vua.

(2) Cầm-bào 錦袍 : áo gấm.

(3) Hoa-chi 花枝 cành hoa (mũ giắt cành hoa).

(4) Đoạn này ý nói thiên-hạ tranh nhau tin-tức mỗi lái nhưng ngán cho những ả chực lấy chồng quan, chỉ làm rác tai thôi.

(5) Cửa già : tầng già.

(6) Thế-tôn 世宗 : Đức Phật.

(7) Bỉ cực thái lai 否極泰來 : sự rủi-ro hết, sự may-mắn đến.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Chẳng yêu nhau, chớ để nhau,
Nhưng loài yến-tước biết đâu chi hồng (1).
Đương mừng náo-nức từng-bừng,
Đình phò (?) nghe đã ruồi-giong gần miền.
Xe xe, ngựa ngựa, lần chen,
Hoa quen mừng rước, chim quen đón chào.
Chênh-vênh ngoài chốn non cao,
810.— Áo hồng, đai bạc, bước vào cửa không (2).
Chuông kêu lẫn tiếng thiều rung,
Cờ xen bảo-cái, tán lông tràng-phan (3).
Hương đèn tạ Phật vừa an,
Mời đem trâm quạt đến bàn cùng sư.
Sư rằng : « Phan đẹp duyên ra,
« Mừng cho đôi lứa đã vừa đồng căn.
« Song đây là cảnh chân chân (4),
« Tăng-già (5) chịu việc hôn-nhân trở lời.

(1) *Yến-tước an tri hồng-học chi* 燕雀安知鴻鶴志 : Loài di-sẻ biết thế nào được chí-khí của loài chim hồng chim học (chim to),

(2) *Cửa không* bởi chữ không môn 空門 : Theo thuyết nhà Phật thì thế-giới nhất-thiết cái gì cũng là không cả, nên thế-tục cho cửa Phật là cửa không.

(3) *Bảo-cái* 寶蓋 : lọng quý ; *tràng-phan* 長幡 : phướn dài. Hai thứ đều là nghi-trượng của nhà Phật.

(4) *Chân chân* 真真 : thực-thực, tiếng nhà Phật. Chân-chân đây trở về cội Phật,

(5) *Tăng-già* 僧迦 : nhà sư ở chùa.

« Gần đây đã có một người,
820.— « Đưa nường đến chốn phật-đài (1) ngày xưa.
« Cây người biện lễ ông Tơ (2),
« Xin hầu sang đó mà đưa nàng về.

VINH-QUI CÙNG VỚI
VU-QUI MỘT NGÀY !

Mừng hầu (3) phỉ chí nam nhi,
Vinh-qui cùng với vu-qui một ngày (4).
Bén rồng, ôm phượng (5) ra tay,
Mặc cô kinh-kệ ở đây khẩn-cầu.
Tạ từ cùng bước xuống lầu,
Thám-hoa thì trước, mà sao Diệu-Thường.
Áo hồng đã ruỗi xe vàng,
830.— Trên lầu còn thoáng mùi hương lạ đời.
Chàng liền thay chuỗi hạt trai,
Đã phò thức phấn, lại gài then mây.

(1) Phật-đài 佛臺 : nơi thờ Phật.

(2) Ông Tơ tức ông Tơ-hồng, một vị làm chủ xe duyên cho vợ chồng lấy nhau.

(3) Hầu bởi chữ quân-hầu 君侯 : Tiếng gọi tôn, đây dùng gọi Phan-sinh (Hầu-tước).

(4) Vinh-qui 榮歸 thì đỗ trở về báì-tử, vu-qui 歸于 : gái về nhà chồng.

(5) Bén rồng ôm phượng, bởi chữ phan-long phụ-phượng 攀龍附鳳 ý nói phụ-tá nhà vua.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Lên chùa lạy bụt, lạy thầy,
Giã Hương-Công, đội ơn này chẳng quên.
Giã non, giã nước, giã chiến,
Giã mai, giã trúc, giã miền cỏ hoa.
Cảnh này trong chốn đường hoa,
Vào chơi thết-đãi, bước ra phụng-chiều.
Thoắt thôi xe ngựa dập-diu,
840.— Sang Kim-lăng, cứ như điếu nhà sư.
Tiệc thời mười lạng vàng đưa,
Nước non kẻ mấy tóc tơ then-thùng !
Thế này của chữa xứng công,
Nặng ơn Phiếu-mẫu, nhẹ lòng Vương-tôn (1).
Rạng ngày lại ruổi nước non,
Giải rong cò bướm, dặm dòn vó cầu.

PHAN, TRẦN, HAI HỌ
ĐOÀN-VIÊN MỘT NHÀ

Vui lòng nhẹ bước nên mau,
Ba trắng đã đến Hoà-châu (2) cảnh nhà.

(1) *Vương-tôn* 王孫 tức Hàn Tín 韓信, lúc còn hàn-vi, nhện dúi câu cá dưới thành Hoài-âm 淮陰, gặp Phiếu-mẫu 漂母 (đàn-bà giặt thuê) cho cơm ăn, sau Hàn Tín làm tướng nhà Hán, có công được phong vương đem nghìn lạng vàng tạ ơn Phiếu-mẫu.

(2) *Hòa-châu* tức Hòa-quận, quê Phan-sinh (xem chú-thích trang 11 số 4).

- Thung-huyền đôi khóm già già (1),
850.— Trên đầu vẽ bạc, ngoài da thức mỗi.
Rõ phở tiệc nhận đầy vơi,
Dưới hiên lần chuốc thọ bôi (2) đôi tuần.
Môn-dinh (3) xuân lại thêm xuân,
Thi thư rạng nước, đại cân nổi nhà:
Thám-hoa qui lạy thêm hoa,
Niềm xưa, nổi trước, lân-la bày tường:
« Con từ du-học bốn phương,
Thần-hôn (4) dành lối đạo-thường làm con.
« Phúc thừa muôn đội tưng môn,
860.— « Bằg vàng may trộm chữ son tên đề.
« Nhân-duyên vâng lĩnh quạt thề,
« Nhờ tay nguyệt-lão khéo xe lạ-lùng.
« Ngửa trông trời bể bao-dung,
Thứ cho dưới gối tấm lòng tiểu-nhi.

(1) *Thung hay xuân*, 椿 một thứ cây 8.000 năm một lần nở hoa, 8.000 năm một lần có quả, người ta dùng đề ví với cha, thủ nghĩa mong cho cha sống lâu. *Huyền 萱* một thứ cỏ sống lâu, có tính vui quên lo, hay trồng ở phía bắc buồng ngủ, người ta dùng đề ví với mẹ.

(2) *Thọ bôi* 壽杯 : Chén rượu chúc thọ.

(3) *Môn đình* : cửa, đình 庭 : sân. Nói chung về gia-đình.

(4) *Thần-hôn* do chữ 晨省昏定, nghĩa là sớm thăm tối viếng, chức-vụ thờ cha mẹ của người làm con.

- Rằng : « Từ con cách đình vi,
« Ngán lòng nường cửa (1) mọi bề nhớ trông.
« Nhờ hồng-phúc, đội âm-công,
« Gặp khi kim-bảng, động phòng cả hai.
« Rồi đem nhau đến thọ-đài,
- 870.— « Lạy bà Trần-thị kéo người nhớ-mong.
« Người từ lối bước long-dong,
« Trời xui nghìn dặm để lòng tới đây.
« Nặng bên tình-nghĩa xưa nay,
« Rước về phụng-dưỡng đêm ngày thay con.
« Chữ duyên rày đã vuông tròn,
« Đem tin mừng lại kéo buồn bấy lâu ».
Tạ ân nàng lại khấu đầu,
Cùng chàng vâng mệnh sang hầu từ-thân.
Bước vào vừa đến giữa sân,
- 880.— Song song cùng đặt bức khăn lạy chào.
Sụt-sùi kẻ-lễ thấp cao,
Nổi con, nổi mẹ, tiêu-hao tổ tường :
« Mừng con vả đội ơn chàng,
« Thân già được thấy giàu-sang ai ngờ ? »
Lạy thôi, nàng giở sau xưa :
« May nhờ một sớm móc-mưa tưới nhuần.

(1) *Nường cửa* do chữ ỹ-môn 倚門 : Theo tích đời Chiến-quốc, mẹ Vương-tôn-Giả bảo con : « Mày đi buổi sớm mà chậm chưa về, thì ta tựa cửa đứng trông, đi buổi chiều mà chậm chưa thấy về thì ta tựa cửa đứng ngóng, vậy nường cửa là trở vào người mẹ.

« Xiết bao giờ nổi gian-truân,

« Một nhà sum-họp Tấn, Tần từ đây.

« Duyên hương-lửa, hội rồng-mây,

890.— « Bỏ công ly-biệt, bỏ ngày tân-loan (1) ».

Thoắt thôi từ tạ dưới màn,

Về lâu mở tiệc đoàn-viên(2) chúc mừng.

Chơi voi hoa-chúc tung-bưng,

Véo-von đàn hát, vang lừng phách sênh.

Cung nam, cung bắc, cung huỳnh.

Độ như tiếng kệ, tiếng kinh chẳng nhường.

Có khi cọt phấn, điệu hương,

Sau đường Bồ-tác, trước đường tiên-nga.

Có khi ướm nguyệt chào hoa,

900.— Lầu son phảng-phất cửa già (3) gió trắng.

Huệ lan đương rộn tiệc mừng,

Tin hay đã thấy tung-bưng sứ hoa.

Việc quan hẳn khác việc nhà,

Lạy nghiêm-từ đã, lạy bà từ-thân (4).

(1) Tân-loan 辛酸 : cay-chua. Nói về những ngày khổ-sở.

(2) Đoàn-viên 團圓 : Sum-họp, vuông tròn.

(3) Cửa già 迦門 : Cửa nhà chùa, cũng như Thiên-môn hay không-môn.

Nghiêm-từ 滋嚴 : bố và mẹ ; Từ-thân 慈親 mẹ hiền. Đây nói vợ chồng Phan-sinh từ-tạ ông bà Phan-công cùng Trần phu-nhân để đi nhậm chức.

Cùng nàng xe ngựa dòi chân,
Nước non lặng-lội ba tuần tới nơi.
Bệ rồng gang tấc mặt trời (1),
Tàu lời trung-nghĩa, dâng bài tu-nhường (2).
Phải duyên ngư-thủy nhất đường,
910.— Ấn son kén mặt, gươm vàng trao tay (4).
Mệnh trời vâng chiếu năm mây,
Ra tài Khấu, Đặng, thử tay Tiêu, Tào (5).
Đông-nam chỉ ngọn cờ mao, (6)
Non xanh sẫm dậy, sóng dào gió rơi.

(1) Câu này dịch câu chữ nho « chỉ xích thiên-nhan » 咫尺天涯 : gang tấc mặt trời, ý nói coi vua như ở ngay trước mặt.

(2) Tu-nhường bởi chữ « Nội tu chính sự, ngoại nhượng di địch » 內修政事外攘夷狄 nghĩa là trong sửa việc chính-trị, ngoài đuổi rợ di-địch, nói về công-việc của bậc trọng thần giúp nhà vua.

(3) Ngư-thủy nhất đường 魚水一堂, ý nói vua tôi hợp nhau như cá gặp nước.

(4) Câu này nói chức kiêm cả văn lẫn võ:

(5) Khấu là Khấu Tuân 寇恂, Đặng là Đặng Vũ 鄧禹, công-thần của vua Quang-vũ đời Đông Hán. Tiêu tức Tiêu Hà 蕭何, Tào tức Tào Tham 曹參, công-thần của vua Cao-tô đời Tây Hán bên Tàu.

(6) Mao 旄 : Cờ làm bằng thú lông trắng, quen gọi cờ tuyết-mao, một thứ cờ của quan võ đi đánh giặc.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Cáo, kinh, im-lặng tấm-hoi (1),

Doanh ngâm rửa mác, non đoài treo cung (2).

Khải-ca (3) lừng-lấy phu công,

Đã ngoài nanh-vuốt, lại trong cột-rường (4)

Giơ hốt ngọc, giắt ấn vàng.

920.— Cõi bờ mở rộng, mối-giềng xây nên.

Đồng hưu (5) rờ-rỡ thể khuyên,

Công ghi gác phượng, danh truyền dài lân (6).

Nhà chung-đỉnh (7), cửa đại-cân,

Vinh-phong sắc Quận-phụ-nhân cho nàng.

(1) Ý nói giặc-giã đã dẹp yên.

(2) Ý nói công-việc chinh-chiến đã xong, võ-khí rửa treo lên không dùng đến nữa.

(3) *Tiếng hát của đoàn quân thắng trận trở về* gọi là khải-ca 凱歌 hay là khải-hoàn-ca 凱旋歌.

(4) *Nanh-vuốt* bởi chữ trảo-nha 爪牙; *cột-rường* bởi chữ lương-đổng 梁棟, ý nói ngoài thì làm nanh-vuốt (quan võ) trong thì làm rường-cột (quan văn) cho nhà nước.

(5) *Đồng hưu* do chữ « *Giữ quốc đồng-hưu thích* » 興國同休戚; với nước cùng chung việc vui, lo.

(6) *Các-phượng*, bởi chữ phượng-các 鳳閣; gác vẽ hình chim phượng; *đài lân* bởi chữ kỷ-lân-đài 麒麟台; đài xây hình kỷ-lân. Hai nơi này đều dùng để ghi-khắc tên họ các công-thần cũng như đài kỷ-niệm các tướng-sĩ vậy.

(7) *Chung* 鐘: chuông; *đỉnh* 鼎: cái vạc; hai thứ đồ dùng của những nhà giàu-có sang-trọng, vạc đựng đồ ăn chuông gọi người hầu, nên có câu « chung minh đỉnh thực chi gia » 鐘鳴鼎食之家.

Móc mưa nhuần gọi ân sang,
Nền nhân, cây đức rạng hàng quế-lan (1).
Trăm năm duyên sánh phượng loan,
Tao-khang (2) hai chữ, Trần, Phan đổi truyền.
Tối-tươi hai khóm thung-huyên,
930.— Thêm mừng nước trị nhà yên đời đời.

ĐOẠN KẾT

Lạ thay cùng đạt cơ trời,
Chớ khoe quyền-thế, chớ cười hàn-vi.
May ra ai cũng một thì,
Hơn nhau hai chữ nhân-nghĩ là hơn.
Người quân-tử, khách hồng-nhan,
Kiền-khôn còn rộng, tạo-đoan còn dài (3).

(1) Quế-lan bởi chữ quế-tử lan-tôn 桂子蘭孫 con như cây quế, cháu như khóm lan, qui-hóa đông-đức.

(2) Tao-khang : tẩm cảm, trở người vợ lấy từ lúc hàn-vi. Hai chữ này do tích Tống Hoảng không chịu phụ vợ cả đề lấy em gái vua Quang Vũ nhà Hán mà từ-chối rằng : tao-khang chi thể bất khả hạ đường 糟糠之妻不可下堂 : người vợ tẩm cảm không thể tình-phụ đề xuống dưới.

(3) Câu này bởi câu quân-tử chi đạo tạo-đoan hồ phu phụ 君子之道造端乎夫婦 : Đạo người quân-tử dựng mối bắt đầu từ việc vợ chồng. Đây nói kiền-khôn 乾坤 là trời đất còn rộng thì cái đạo ấy vẫn còn lâu dài mãi-mãi không thể bỏ mất được.

TRUYỆN PHAN TRẦN

Nôm-na chép truyện mà chơi,
Xét cơn bỉ, thái, dám lời khen chê.

Thực-thà dám sánh tân-kỳ,
940.— Gọi là lảm-nhảm đề ghi sau này.

= CHUNG =

NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giả và
nhà-văn-danh-tiếng Trung, Nam, Bắc:

đã xuất - bản trên 350 thứ
sách chia ra làm nhiều loại.

Hiện còn những thứ mới

I.— SÁCH GIÁO-KHOA — TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

- 1.— *Việt-nam sử-lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)
(Nam-Việt 150đ. — Ngoài Nam-Việt 160đ.)
- 2.— *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỳ và Trần trọng Kim.
(Đang in lần thứ tám)
- 3.— *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu-Thiên Bùi Kỳ
(Lần thứ ba — giá Nam-Việt 42đ. — Các nơi 45đ.)
- 4.— *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Giá N. V. 42đ — các nơi 45đ)
- 5.— *Đường Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in — lần thứ 2.)
- 6.— *Tiểu-học Việt-nam văn-phạm* của Trần trọng Kim
Bùi Kỳ, Nguyễn quang Oánh (in lần thứ ba)
(Giá 22đ. — Ngoài Nam-Việt 24đ.)
- 7.— *Sơ-học luận-lý* của Trần trọng Kim
(Giá 23đ. — Ngoài Nam-Việt 26đ.)
- 8.— *Việt-nam Thi-văn giảng-luận*
của Hà như Chi — Giáo-sư trường Quốc-học Ngô
đình Diệm — Huế.
Tập I (Từ khởi-thi đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có
những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ — Truyền
Trình Thử — Truyền Trê Cóc — Nguyễn Trãi — Vua
Lê Thánh-tông — Nguyễn bình Khiêm — Nguyễn
Hằng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Diễm — Ôn như
Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân.
(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam Trung-học)
(Lần thứ ba — Giá N. V. 85đ — các nơi 90đ)

Tập II (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về :
Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-
quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao
bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiếu —
Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn
Khuyến — và Trần tế Xương.

(Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhi bậc Trung-học)
(Lần thứ hai — Giá Nam Việt 120đ — các nơi 130đ)

- 9.— **Việt-nam văn-học giảng-bình** của Phạm văn Diêu
giáo-sư trường Trung-học Khải Định — Huế
Một khoa-bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-
sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa.
(Giá 50đ. — Ngoài Nam Việt 55đ.)

B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH

- 1.— **Truyện Thúy Kiều** của Nguyễn Du
do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khao.
(Đang in lần thứ tám)
- 2.— **Truyện Hoa Tiên** của Nguyễn huy Tự
do cụ Tôn thất Lương chú-thích.
(Đang in lần thứ 2.)
- 3.— **Chinh-phụ ngâm khúc** của Đoàn thị Diễm
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba)
(Đang in lần thứ ba)
- 4.— **Cung-oán ngâm khúc**
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư)
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
- 5.— **Lục Vân Tiên** của Nguyễn đình Chiếu, sửa đúng theo
bản P. J. B. Trương vĩnh Ký phát hành năm 1889
có thêm phần chú thích.
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)
- 6.— **Truyện Tré Cóc**
do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính (in lần thứ ba trên giấy trắng)
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
- 7.— **Truyện Trinh Thử**
do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính (in lần thứ ba)
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
- 8.— **Lục súc tranh công**
do cụ Bùi Kỳ hiệu-đính (in lần thứ ba)
(Giá 8đ. — Ngoài Nam Việt 9đ.)
- 9.— **Truyện Phan Trần** do Thi-Nham chú-thích
(Giá N. V. 18đ — Các nơi 19đ)
- 10.— **Nguyễn Cư Trinh** với quyền **Sãi Vãi** do hai ông
Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và dẫn-giải.
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)

- 11.— *Hoa Điều tranh năng*
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định.
(Đang in lần thứ hai)
- 12.— *Hạnh Thực Ca* của Nguyễn nhuộc Thị
do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích.
(Giá 9đ. — Ngoài Nam Việt 10đ.)
- 13.— *Ngư Tiều vấn đáp Y-Thuật* của cụ ĐỒ CHIỀU
(tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan văn Hàm hiệu-định
và chú-thích — Nhượng Tống tặng-bình bồ-chú.
(Giá Nam Việt 60đ. — Các nơi 65đ.)
- 14.— *Nhị Độ Mai* do Thi Nham định-chính và chú-thích.
(Đang in lần thứ ba).
- 15.— *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham
định-chính và chú-thích
(Giá N. V. 16đ — Các nơi 17đ.)
- 16.— *Nữ Tú Tài* và *Bản nữ thân* do Thi Nham chú-thích
(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)
- 17.— *Gia Huấn Ca* do Thi Nham chú-thích.
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)
- 18.— *Nhị Thập Tứ Hiếu* do Cao huy Giu chú-thích.
(Giá N. V. 12đ — Các nơi 13đ.)
- 19.— *Quan Âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích.
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

II.— SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mọi có bán

Thằng người gỗ tức là quyền « *Les Aventures de Pinocchio* ». Bản dịch của Bửu Kế.

Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in Offset 5 màu.
(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

III.— SÁCH KHẢO-CỨU

- 1.— *Vương Dương Minh* của Đào trình Nhất
(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36đ.)
- 2.— *Việt Sử giai thoại* của Đào trình Nhất
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)
- 3.— *Tinh-thần khoa-học* của Nguyễn văn Tài
(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)
(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)

- 4.— *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim
(Giá 18đ. — Ngoài Nam Việt 20đ.)
- 5.— *Phật-giáo xưa và Phật-giáo ngày nay*
của cụ Trần trọng Kim.
(Giá 13đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
- 6.— *Nho-giáo* (Quyển thượng) của cụ Trần trọng Kim
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

Sắp có bán :

Nho-giáo (quyển hạ) của cụ Trần trọng Kim

IV.— GIÓ BỐN PHƯƠNG

- 1.— *Trên đường giải-phóng* của nhà văn-hào Cao-ly
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
- 2.— *Mái Tây* (Tây Sương ký)
một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ
của Nhượng Tống.
(Đang in lần thứ ba)

V.— THI-NHÂN VIỆT-NAM

- 1.— *Hàn Mạc Tử* — khảo cứu của Trần thanh Mại
(Đang in lần thứ ba)

VI.— TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

- 1.— *Truyền-kỳ mạn lục* (toàn tập)
Tập truyện cổ Việt Nam mà cụ Vũ khâm Lân đã cho
là một « Thiên cổ kỳ bút »
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô văn Triện
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)
- 2.— *Lam-sơn thực-lục* (tức là truyện Lê Thái-tổ khởi-
nghĩa ở Lam-sơn)
(Giá N. V. 24đ — Các nơi 26đ.)

VII.— SÁCH GIÁO-KHOA — TIÊU-HỌC

(Soạn đúng theo chương-trình mới của
Bộ Quốc-gia giáo-dục)

Đã có bán :

VIỆT-SƯ

lớp Ba 18đ. lớp Nhì 28đ. lớp Nhất 15đ.

Quốc-văn toàn thư : lớp Nhất, Nhì, Ba, Tư.

2 QUYỀN SÁCH MỚI

LỊCH-SỬ[?]
VIỆT-NAM
ĐỆ-THẤT — TRUNG-HỌC

và

LỊCH-SỬ[?]
VIỆT-NAM
ĐỆ-LỤC — TRUNG-HỌC

của PHẠM-HOÀN-MĨ
và một nhóm bạn biên-soạn

Sẽ có bán vào dịp tựu-trường
(1956) tới đây

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT
235, Phan-thanh Giản (Le Grand de la Liraye cũ) Saigon

TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG

Sẽ lần-lượt xuất-bản

- 1 — NGUYỄN THÁI HỌC
- 2 — PHAN CHU TRINH
- 3 — HUỖNH MÃN ĐẠT
- 4 — PHAN VĂN TRỊ
- 5 — PHAN ĐÌNH PHÙNG
- 6 — PHAN BỘI CHÂU
- 7 — NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU
- 8 — PHAN THANH GIẢN
- 9 — HUỖNH THÚC KHÁNG
- 10 — LƯƠNG NGỌC QUYẾN
- 11 — TRẦN QUÝ CÁP
- 12 — NGUYỄN THƯỢNG HIỀN v. v...

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản — SAIGON

TRUYỆN PHAN TRẦN
do THI-NHAM đính-
chính và chú-thích in lần
thứ hai do nhà xuất-bản
TÂN VIỆT — in tại nhà
in riêng của nhà xuất-bản.
Giấy phép số 101 T. X. B.
của nhà Thông-tin
Nam-Việt

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 350 thứ sách giá-trị

SÁCH GIÁO-KHOA <TÂN VIỆT>

Loại cổ văn chú-thích và dẫn-giải

Đ Ầ C Ó B Á N

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1. Truyện Thúy Kiều | 10. Nguyễn Cư Trinh |
| 2. Truyện Hoa Tiên | với Sãi Vãi |
| 3. Chinh-phụ ngâm-khúc | 11. Hoa điều tranh |
| 4. Cung-oán ngâm-khúc | năng |
| 5. Lục Vân Tiên | 12. Hạnh-thục ca |
| 6. Truyện Trê Cóc | 13. Ngư Tiều vắn-đáp |
| 7. Truyện Trinh Thử | Y-thuật |
| 8. Lục súc tranh công | 14. Nhị độ Mai |
| 9. Truyện Phan Trần | 15. Bích-câu kỳ ngộ |
| | 16. Nữ Tú-Tài và Bần |
| | nữ thần |
| | 17. Gia huấn ca |
| | 18. Nhị-thập tứ hiếu |
| | 19. Quan-Am Thị Kính |

CÒN MỘT SỐ ÍT

VIỆT-NAM THI-VĂN GIẢNG-LUẬN

Tập 11

Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhi Trung-học
của

HÀ NHƯ CHI

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản (Le Grand de la Liraye cũ) Saigon

Giấy phép xuất-bản

Số 101/T.X.B.

của nha Thông-Tin

Nam Việt

TRUYỆN PHAN TRẦN

(In lần thứ hai)

Nam Việt... 27 \$ 00

(Các nơi..... 28 \$ 00